

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

BÙI KIM CHÂU NGHĨA

**ĐỊNH TỘI DANH TỘI GIẾT NGƯỜI THEO PHÁP LUẬT
HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2017

BÙI KIM CHÂU NGHĨA LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỘI TỬNG HÌNH SỰ KHÓA VI ĐỢT 1 NĂM 2015

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

BÙI KIM CHÂU NGHĨA

**ĐỊNH TỘI DANH TỘI GIẾT NGƯỜI THEO PHÁP LUẬT
HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự

Mã số: 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
TS. NGUYỄN TRUNG THÀNH**

HÀ NỘI - 2017

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TỘI GIẾT NGƯỜI	6
1.1 Những vấn đề lý luận về tội giết người.....	6
1.2 Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội giết người	25
CHƯƠNG 2: ĐỊNH TỘI DANH TỘI GIẾT NGƯỜI THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TRONG THỰC TIỄN XÉT XỬ SƠ THẨM CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ VỀ TỘI GIẾT NGƯỜI Ở ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH	34
2.1 Khái quát lý luận về định tội danh đối với tội giết người	34
2.2 Thực trạng định tội danh đối với tội giết người của Tòa án cấp sơ thẩm tỉnh Bình Định	42
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ĐỊNH TỘI DANH ĐÚNG ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI	61
3.1 Nhu cầu và những yếu tố đảm bảo cho việc định tội danh đối với tội giết người ...	61
3.2 Các giải pháp đảm bảo cho việc định tội danh đúng với tội giết người	62
KẾT LUẬN	76
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	78

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật hình sự
CQĐT	Cơ quan điều tra
HĐTP	Hội đồng thẩm phán
HĐXX	Hội đồng xét xử
TAND	Tòa án nhân dân
TNHS	Trách nhiệm hình sự
TTHS	Tổ tụng hình sự
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Định tội danh là một vấn đề phức tạp trong khoa học pháp lý hình sự. Quá trình giải quyết vụ án hình sự cần đảm bảo sự khách quan, khoa học và chính xác. Định tội danh đúng là yếu tố đảm bảo cho việc truy cứu TNHS đối với người phạm tội đúng theo các điều khoản tương ứng của BLHS, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội. Trong giai đoạn hiện nay, khi mà công cuộc cải cách tư pháp đang được triển khai thực hiện trong hệ thống các cơ quan tư pháp theo tinh thần của Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về *chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, thì việc định tội danh đúng càng trở nên bức thiết nhằm phục vụ hiệu quả cho tiến trình cải cách tư pháp và bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự.

Định tội danh là hoạt động mang tính chất quyết định, xác định một người có tội hay không có tội. Đây là nội dung cơ bản của việc áp dụng pháp luật hình sự trong quá trình xét xử và là một trong những biện pháp đưa các quy phạm pháp luật vào cuộc sống. Trên cơ sở xác định người phạm tội đã thực hiện hành vi phạm tội gì, quy định tại điều, khoản nào của Bộ luật hình sự, cơ quan có thẩm quyền sẽ quyết định một hình phạt phù hợp đối với hành vi phạm tội đó. Vì thế, định tội được xem là tiền đề, điều kiện cho việc quyết định hình phạt đúng đắn, góp phần mang lại hiệu quả trong phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Việc định tội danh không đúng, không truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật sẽ làm hạn chế mục đích mà BLHS khi ban hành hướng đến. Trong trường hợp định tội không chính xác, mặc dù mức hình phạt có thể đã tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện nhưng việc kết án sai tội danh sẽ liên quan đến nhiều hậu quả pháp lý khác mà bị cáo phải gánh chịu như: xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm, tính thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, thời hạn xác định án tích.

Thực tiễn xét xử các vụ án hình sự ở tỉnh Bình Định cho thấy các cơ quan tiến hành tố tụng còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong việc định tội danh, nhất là đối với tội giết người. Trong thời gian gần đây tình hình tội phạm giết người trong cả nước, trong đó có tỉnh Bình Định do nhiều nguyên nhân nên có xu hướng gia tăng, diễn biến phức tạp, với nhiều thủ đoạn tinh vi xảo quyệt, có sự chuẩn bị trước, có tổ chức, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Tội giết người với tính chất côn đồ, hung hãn, trắng trợn, xem thường tính mạng con người không những gây nên đau thương tang tóc cho gia đình nạn nhân mà còn để lại gánh nặng cho xã hội, gia đình và gây bất bình trong quần chúng nhân dân, gây mất an ninh trật tự, tạo ra tâm lý hoang mang, lo lắng cho quần chúng nhân dân tại địa phương và làm cho giá trị đạo đức con người Việt Nam ngày càng giảm sút. Đã đến lúc cần có biện pháp phòng, chống kịp thời hành vi nguy hiểm đó nhằm bảo vệ tính mạng của con người, bảo vệ giá trị đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam. Do vậy, cần xác định đúng tội danh đối với tội phạm này để trừng trị nghiêm khắc, không bỏ lọt tội phạm và không làm oan người vô tội.

Với lý do nêu trên, tác giả chọn đề tài: “*Định tội danh tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Định*”, để nghiên cứu làm luận văn thạc sĩ Luật học, chuyên ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Định tội danh đúng có ý nghĩa rất to lớn về mặt chính trị- xã hội, đạo đức và pháp luật. Vì vậy mà vấn đề định tội đã được rất nhiều chuyên gia luật hình sự của nước ta quan tâm nghiên cứu, trong đó phải kể đến một số công trình nghiên cứu như: Một số vấn đề lý luận chung về định tội danh, Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm), PGS.TS Lê Cẩm, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2003 [5]; Bình luận khoa học chuyên sâu Bộ luật hình sự (Phần các tội phạm), Th.s Đinh Văn Quế, NXB TP HCM, năm 2005

[26]; Định tội danh (lý luận, lời giải mẫu và 500 bài tập), Lê Cẩm - Trịnh Quốc Toàn, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2011; Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm) GS.TS Võ Khánh Vinh, NXB Công an nhân dân, năm 2015 [46]; và một số luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ như: Đỗ Đức Hồng Hà, Luận án tiến sĩ Luật học “Tội giết người trong Bộ luật Hình sự Việt Nam” [17]; Phan Thái Bình, Luận văn thạc sĩ Luật học “Tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam” [3],...

Hầu hết những công trình khoa học nêu trên chủ yếu vi nghiên cứu vấn đề định tội danh nói chung hoặc nghiên cứu định tội danh đối với một số tội phạm cụ thể, trong đó có tội giết người ở những địa bàn khác nhau. Tuy nhiên, vấn đề định tội danh đối với tội giết người từ thực tiễn tỉnh Bình Định chưa có một công trình nào nghiên cứu. Do vậy đề tài này không trùng với bất cứ công trình luận án, luận văn nào đã được công bố.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1 Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận, quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội giết người và thực trạng định tội danh đối với tội phạm này, luận văn hướng tới mục đích đưa ra các giải pháp đảm bảo định tội danh đúng đối với tội giết người trong thực tiễn xét xử của Tòa án trên địa bàn tỉnh Bình Định.

3.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được những mục đích trên trong quá trình nghiên cứu đề tài cần giải quyết các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Phân tích làm rõ những vấn đề lý luận và quy định của pháp luật hình sự ở Việt Nam về tội giết người.
- Phân tích khái niệm và yêu cầu của định tội danh đối với tội giết người.

- Thông qua một số vụ án điển hình về giết người đã được giải quyết trong thực tiễn tại tỉnh Bình Định để đánh giá thực trạng định tội danh trong hoạt động xét xử sơ thẩm của TAND đối với tội giết người trên địa bàn tỉnh Bình Định. Từ đó, đề xuất các giải pháp đảm bảo định tội danh đúng đối với tội giết người trong thời gian tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những luận điểm khoa học, quy định của pháp luật và thực tiễn định tội danh đối với tội giết người của TAND cấp sơ thẩm tỉnh Bình Định.

4.2 Phạm vi nghiên cứu

Luận văn chỉ tập trung nghiên cứu vấn đề định tội danh đối với tội giết người quy định tại Điều 93 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) của TAND cấp sơ thẩm tỉnh Bình Định trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2015.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước; quan điểm, đường lối xử lý các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm nói chung và tội giết người nói riêng.

Trong quá trình nghiên cứu, luận văn còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể phù hợp với từng nội dung nghiên cứu như: phương pháp lịch sử, phương pháp so sánh, phương pháp phân tích, tổng hợp và phương pháp thống kê, kết hợp với xem xét vụ án trên thực tế tại địa phương để chứng minh và làm rõ vấn đề nghiên cứu.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Lần đầu tiên có một đề tài nghiên cứu về lý luận đầy đủ, toàn diện về công tác định tội danh tội giết người trên địa bàn tỉnh Bình Định. Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần hoàn thiện và làm phong phú thêm lý luận về định tội danh tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam.

Bên cạnh việc hoàn thiện về mặt lý luận, với việc vận dụng và đưa vào phân tích các vụ án cụ thể, rút ra những vướng mắc thường gặp trong quá trình định tội danh đối với loại tội phạm này, luận văn có thể làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, học tập ở các cơ sở đào tạo chuyên ngành Luật và trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự khi điều tra, truy tố, xét xử các vụ án về tội giết người.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn có cấu trúc gồm 3 chương, cụ thể như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật về tội giết người.

Chương 2: Định tội danh tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam trong thực tiễn xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự về tội giết người ở địa bàn tỉnh Bình Định.

Chương 3: Giải pháp đảm bảo định tội danh đúng đối với tội giết người.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TỘI GIẾT NGƯỜI

1.1 Những vấn đề lý luận về tội giết người

1.1.1 Khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội giết người

1.1.1.1 Khái niệm tội giết người

Trong khoa học luật hình sự Việt Nam, cho đến nay, vẫn chưa có nhận thức thống nhất để định nghĩa như thế nào là tội giết người. Do vậy, còn có các quan điểm khác nhau xoay quanh khái niệm tội giết người. Có quan điểm cho rằng: *“Tội giết người là hành vi cố ý tước đoạt tính mạng của người khác một cách trái pháp luật”* [49, tr.83]; quan điểm khác lại cho rằng: *“Tội giết người là hành vi trái pháp luật của người đủ năng lực trách nhiệm hình sự cố ý tước bỏ quyền sống của người khác”* [25, tr.67].

Cả hai quan điểm trên đều chưa hợp lý ở chỗ: chưa đề cập đến dấu hiệu năng lực TNHS và dấu hiệu độ tuổi của chủ thể tội giết người (quan điểm thứ nhất) hoặc chỉ đề cập đến dấu hiệu năng lực TNHS mà không đề cập đến dấu hiệu độ tuổi (quan điểm thứ hai). Để khắc phục hạn chế này, quan điểm thứ ba cho rằng: *“Tội giết người là hành vi cố ý gây ra cái chết cho người khác một cách trái pháp luật, do người có năng lực TNHS và đạt độ tuổi luật định thực hiện”* [17, tr.38].

Điều 93 BLHS năm 1999 mặc dù không quy định khái niệm tội giết người, nhưng dựa trên khái niệm về tội phạm được quy định tại Điều 8 BLHS ta có thể suy ra như sau: *“Tội giết người là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý xâm phạm tính mạng của người khác một cách trái pháp luật”*. Hay có thể định nghĩa tội giết người như sau: Tội giết người là hành vi gây ra cái chết cho người khác, do người có năng lực TNHS và đủ tuổi chịu

TNHS thực hiện một cách cố ý xâm phạm tính mạng của người khác một cách trái pháp luật.

1.1.1.2 Các dấu hiệu pháp lý của tội giết người

Để truy cứu TNHS đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội thì phải xác định được hành vi mà người đó đã thực hiện có được quy định trong BLHS hay không, nếu có thì là tội gì. Căn cứ để xác định tội danh và quyết định hình phạt cho tương xứng là dựa vào các dấu hiệu pháp lý cấu thành tội phạm là khách thể, mặt khách quan, chủ thể và mặt chủ quan của tội phạm. Phân tích quy định của tội giết người tại Điều 93 BLHS năm 1999 thấy được tội phạm giết người có các dấu hiệu pháp lý sau đây:

- Khách thể của tội giết người

Đối với tội giết người, khách thể mà tội phạm này hướng đến là một trong những khách thể quan trọng nhất được luật hình sự bảo vệ, đó là quyền sống, quyền được tôn trọng và bảo vệ tính mạng của con người. Tội giết người xâm phạm quyền sống của con người thông qua sự tác động biến đổi tình trạng bình thường của đối tượng tác động – con người đang sống, đang tồn tại trong thế giới khách quan với tư cách là thực thể tự nhiên và xã hội. Cuộc sống của con người bắt đầu từ khi họ được sinh ra và kết thúc khi sự sống của họ thực sự chấm dứt.

Việc xác định đúng đối tượng tác động của tội giết người có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Bởi lẽ, nếu hành vi nào đó tác động vào đối tượng không phải hay chưa phải là con người thì không xâm phạm đến quyền sống của con người nên không phạm tội giết người.

- Mặt khách quan của tội giết người

Mặt khách quan của tội giết người là những biểu hiện của tội giết người diễn ra hoặc tồn tại bên ngoài thế giới khách quan, bao gồm: hành vi khách quan của tội giết người, hậu quả nguy hiểm cho xã hội của tội giết người và

mối quan hệ nhân quả giữa hành vi khách quan và hậu quả nguy hiểm cho xã hội và những biểu hiện khách quan khác của hành vi giết người như: thời gian, địa điểm, công cụ, phương tiện, thủ đoạn thực hiện hành vi...

Hành vi khách quan của tội giết người là những biểu hiện của con người ra ngoài thế giới khách quan có sự kiểm soát của ý thức và sự điều khiển của ý chí. Đây là điều kiện cần, còn điều kiện đủ là hành vi đó phải có khả năng gây ra cái chết, chấm dứt sự sống của người khác một cách trái pháp luật. Hay nói cách khác, hành vi khách quan của tội giết người là hành vi tước đoạt trái pháp luật tính mạng của người khác bằng mọi hình thức.

Những hành vi gây ra cái chết cho người khác được thực hiện trong những trường hợp pháp luật cho phép thì không phải là hành vi giết người. Ví dụ: hành vi tước đoạt tính mạng của người khác được thực hiện trong trường hợp phòng vệ chính đáng (Điều 15 BLHS) hoặc trong trường hợp thi hành bản án tử hình (Điều 259 BLHS). Ngoài hai trường hợp nói trên, theo pháp luật Việt Nam, mọi hành vi khác tước bỏ quyền sống của người khác, kể cả được sự đồng ý của nạn nhân đều là trái pháp luật. Hành vi tước đoạt trái pháp luật tính mạng của người khác có thể được thực hiện bằng hành động hoặc không hành động.

Hậu quả của tội giết người chính là thiệt hại do hành vi phạm tội giết người gây ra cho quan hệ nhân thân, cho quyền sống của con người. Thiệt hại này được thể hiện dưới dạng thiệt hại về thể chất – gây ra cái chết cho người khác. Tội giết người được nhà lập pháp xây dựng dưới dạng cấu thành tội phạm vật chất, do vậy trong mặt khách quan của tội phạm, hậu quả chết người là dấu hiệu bắt buộc. Nghiên cứu xác định hậu quả của tội giết người có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định thời điểm tội phạm hoàn thành. Tội giết người được coi là hoàn thành chỉ trong trường hợp khi có hậu quả chết người xảy ra, thời điểm nạn nhân đã chết sinh vật – giai đoạn cuối cùng của sự chết

mà ở đó sự sống của con người không có khả năng phục hồi. Nếu hành vi tước đoạt tính mạng của người khác được thực hiện, nhưng vì những nguyên nhân khách quan khác nhau dẫn đến hậu quả chết người chưa xảy ra thì hành vi đó bị coi là hành vi phạm tội giết người chưa đạt hoặc là tội cố ý gây thương tích, tùy thuộc vào lỗi của người phạm tội.

Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi khách quan của tội giết người và hậu quả nguy hiểm cho xã hội. Về nguyên tắc, người phạm tội chỉ phải chịu trách nhiệm về hậu quả nguy hiểm cho xã hội do chính hành vi của mình gây ra. Nghĩa là hành vi tước đoạt trái pháp luật tính mạng của người khác là nguyên nhân của hậu quả chết người đã xảy ra. Hành vi tước đoạt trái pháp luật tính mạng của người khác được coi là nguyên nhân gây ra hậu quả chết người nếu thỏa mãn ba điều kiện: *Thứ nhất*, hành vi tước đoạt trái pháp luật tính mạng của người khác xảy ra trước hậu quả về mặt thời gian; *Thứ hai*, hành vi tước đoạt trái pháp luật tính mạng của người khác độc lập trong mối liên hệ tổng hợp với một hay nhiều hiện tượng khác phải chứa đựng khả năng thực tế làm phát sinh hậu quả chết người; *Thứ ba*, hậu quả chết người đã xảy ra đúng là sự hiện thực hóa khả năng thực tế làm phát sinh hậu quả của hành vi tước đoạt trái pháp luật tính mạng của người khác hoặc là khả năng trực tiếp làm biến đổi tình trạng bình thường của đối tượng tác động.

Xác định đúng nguyên nhân dẫn đến hậu quả chết người không những giúp các cơ quan tiến hành tố tụng làm sáng tỏ vấn đề có hành vi giết người xảy ra hay không mà còn có thể kết luận ai là người đã thực hiện hành vi đó; tránh tình trạng xác định không đúng mối quan hệ nhân quả dẫn đến tình trạng oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm. Ngoài ra, nghiên cứu nguyên nhân dẫn đến hậu quả chết người còn có ý nghĩa trong việc định tội danh và phân biệt tội giết người với các tội phạm khác có cùng dấu hiệu hậu quả chết người.

Ngoài ra, mặt khách quan của tội phạm còn có những biểu hiện khác như: thời gian, địa điểm, phương tiện, hoàn cảnh... phạm tội và tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể mà chúng ta xét những yếu tố này.

- Chủ thể của tội giết người

Chủ thể của tội phạm nói chung và tội giết người nói riêng là con người có đủ điều kiện để có lỗi khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Người có đủ điều kiện để có lỗi, để trở thành chủ thể của tội phạm phải là người có năng lực TNHS, năng lực nhận thức được ý nghĩa xã hội của hành vi và năng lực điều khiển hành vi theo đòi hỏi tất yếu của xã hội. Để có được năng lực này con người phải đạt độ tuổi nhất định.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 8 và khoản 2 Điều 12 thì chủ thể của tội giết người là những người từ đủ 14 tuổi trở lên. Quy định này dựa trên cơ sở nghiên cứu tâm sinh lý con người Việt Nam, truyền thống lập pháp và chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội của Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

Như vậy, chủ thể của tội giết người phải là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi do pháp luật quy định (đủ 14 tuổi trở lên).

- Mặt chủ quan của tội giết người

Nếu như mặt khách quan của tội giết người là những biểu hiện diễn ra hoặc tồn tại bên ngoài thế giới khách quan thì mặt chủ quan của tội giết người lại là diễn biến tâm lý bên trong của người phạm tội, bao gồm lỗi, động cơ, mục đích phạm tội. Trong các dấu hiệu này, lỗi là dấu hiệu duy nhất bắt buộc phải có trong mặt chủ quan của cấu thành tội giết người.

Lỗi của người phạm tội giết người là thái độ tâm lý của họ đối với hành vi gây ra cái chết cho người khác một cách trái pháp luật và đối với hậu quả chết người do hành vi đó gây ra, được biểu hiện dưới hình thức cố ý trực tiếp hoặc cố ý gián tiếp. Người thực hiện hành vi gây ra cái chết cho người khác

một cách trái pháp luật chỉ bị coi là có lỗi nói chung và lỗi cố ý nói riêng nếu hành vi đó là kết quả của sự lựa chọn của họ, trong khi họ có đủ điều kiện khách quan và chủ quan để chọn lựa và thực hiện xử sự khác phù hợp với đòi hỏi của xã hội. Như vậy, lỗi của người phạm tội giết người chỉ đặt ra cho những trường hợp trong đó chủ thể có khả năng xử sự không gây ra cái chết cho người khác, nhưng chủ thể đã không lựa chọn khả năng này.

Nghiên cứu và xác định đúng dấu hiệu lỗi trong cấu thành tội phạm tội giết người sẽ giúp phân biệt tội phạm này với tội phạm khác cũng gây ra hậu quả chết người. Xác định đúng hình thức lỗi không chỉ có ý nghĩa trong định tội danh mà còn có ý nghĩa quan trọng trong việc quyết định hình phạt.

Khác với dấu hiệu lỗi, trong mặt chủ quan của tội giết người động cơ, mục đích phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm tội giết người. Hành vi giết người có mục đích chống chính quyền nhân dân cấu thành tội khủng bố theo Điều 84 BLHS. Trong một số trường hợp, động cơ, mục đích phạm tội được quy định là tình tiết định khung tăng nặng.

1.1.1.3 Các dấu hiệu định khung hình phạt tăng nặng

a. Giết nhiều người

Giết nhiều người là trường hợp người phạm tội có ý định giết từ hai người trở lên. Việc giết nhiều người có thể được thực hiện một lần hoặc nhiều lần khác nhau. Thông thường, việc giết nhiều người được thực hiện cùng một lúc.

b. Giết phụ nữ mà biết là có thai

Giết phụ nữ mà biết là có thai là trường hợp nạn nhân bị giết là phụ nữ đang có thai (không kể tháng thứ mấy) và bản thân người phạm tội khi thực hiện hành vi giết người biết rõ điều đó (có thể tự nhận biết hoặc do nghe người khác nói).

c. Giết trẻ em

Giết trẻ em là trường hợp nạn nhân bị giết là người dưới 16 tuổi. Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi nói chung và giết người dưới 16 tuổi nói riêng không phải là tình tiết thuộc ý thức chủ quan của người phạm tội mà là tình tiết khách quan, do đó không cần người phạm tội phải nhận thức được hoặc buộc họ phải nhận thức được đối tượng mà mình xâm phạm là người dưới 16 tuổi mới coi là tình tiết tăng nặng.

d. Giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân

Giết người đang thi hành công vụ là trường hợp người bị giết là người đang thi hành công vụ. Công vụ được hiểu là công việc vì lợi ích chung do những người có thẩm quyền thực hiện. Nạn nhân bị giết phải là lúc họ đang thực hiện nhiệm vụ đúng pháp luật thì người phạm tội mới bị coi là phạm tội trong trường hợp “giết người đang thi hành công vụ”.

Giết người vì lý do công vụ của nạn nhân khác với trường hợp giết người đang thi hành công vụ, nạn nhân bị giết trong trường hợp này không phải lúc họ đang thi hành công vụ mà có thể trước hoặc sau đó.

đ. Giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình

Đây là trường hợp giết người mang tính chất phản trắc, bội bạc. Hành vi này không chỉ vi phạm pháp luật, vi phạm nghiêm trọng đạo đức mà còn phản ánh khả năng giáo dục, cải tạo của can phạm – một con người vô ơn, bội nghĩa, mất hết nhân tính, giết hại cả những người mà mình phải tôn thờ, kính trọng. Việc nhà làm luật coi trường hợp “Giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình” là trường hợp định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự là xuất phát từ truyền thống đạo đức của dân tộc Việt Nam, truyền thống tôn sư trọng đạo nhằm giáo dục ý thức tôn trọng ông bà, cha mẹ, người nuôi dưỡng, thầy cô giáo của mình; giáo dục ý thức tôn trọng pháp luật và giữ gìn đạo đức xã hội.

e. Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng

Là trường hợp trước hoặc ngay sau khi giết người, người phạm tội lại phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng.

Tuy chưa có giải thích hoặc hướng dẫn thế nào là liền trước đó hoặc ngay sau đó, nhưng qua thực tiễn xét xử chỉ coi là liền trước hoặc ngay sau đó hành vi giết người, nếu như tội phạm được thực hiện trước đó hoặc sau đó hoặc sau đó về thời gian phải liên kề với hành vi giết người có thể trong khoảng thời gian vài giờ đồng hồ hoặc cùng lắm là trong ngày; nếu tội phạm mà người phạm tội thực hiện trước đó hoặc sau đó có khoảng cách nhất định không còn liền với hành vi giết người thì không coi là giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 93 BLHS.

g. Giết người để thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác

Đây là trường hợp giết người mà động cơ thúc đẩy người phạm tội có hành vi giết người là việc thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác. Tội phạm trong trường hợp này là một tội bất kỳ trong BLHS, không phân biệt tội đó là ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hay đặc biệt nghiêm trọng, và tất nhiên tội phạm khác ở đây không phải là tội giết người.

Trường hợp giết người để thực hiện tội phạm khác thì người phạm tội muốn có điều kiện thực hiện một tội phạm khác bằng cách giết người có khả năng gây khó khăn, cản trở họ thực hiện tội phạm. Hành vi giết người là điều kiện, tiền đề để thực hiện tội phạm sau.

Trường hợp giết người để che giấu tội phạm khác là trường hợp người phạm tội giết người sau khi thực hiện một hoặc nhiều tội phạm khác nhưng vì sợ bị phát hiện, tố cáo nên đã giết người. Việc giết người trong trường hợp này được thực hiện sau khi đã phạm một hoặc nhiều tội phạm khác.

h. Giết người để lấy bộ phận cơ thể nạn nhân

Giết người để lấy bộ phận cơ thể nạn nhân là trường hợp giết người có động cơ phạm tội là việc chiếm đoạt bộ phận cơ thể nạn nhân nhằm thay thế bộ phận đó cho mình hoặc người thân của mình hoặc để trao đổi, bán cho người khác dùng vào việc thay thế bộ phận đó. Nếu vì quá căm tức mà người phạm tội sau khi giết người đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân để nhằm mục đích khác cho hả giận thì không thuộc trường hợp phạm tội này.

i. Thực hiện tội phạm một cách man rợ

Thực hiện tội phạm một cách man rợ là trường hợp giết người một cách man rợ như kẻ phạm tội không còn tính người, dùng những thủ đoạn gây đau đớn cao độ, gây khiếp sợ đối với nạn nhân hoặc gây khủng khiếp, rùng rợn trong xã hội [18]. Tính chất man rợ của hành vi giết người thể hiện ở chỗ làm cho nạn nhân đau đớn, quẫn quại trước khi chết như: mổ bụng, moi gan, khoét mắt, chặt người ra từng khúc, xẻo thịt, lột da, tra tấn cho tới chết... các hành vi trên, người phạm tội thực hiện trước khi tội phạm hoàn thành, tức là trước khi nạn nhân bị chết. Nếu hành vi trên thực hiện sau khi nạn nhân chết thì không phải là trường hợp giết người một cách man rợ.

k. Giết người bằng cách lợi dụng nghề nghiệp

Đây là trường hợp người phạm tội đã sử dụng nghề nghiệp (khả năng chuyên môn, nghiệp vụ) của mình để dễ dàng thực hiện hoặc dễ dàng che giấu hành vi giết người, như: bác sĩ lợi dụng nghề nghiệp chữa bệnh để giết bệnh nhân nhưng lập bệnh án là bệnh nhân chết do bệnh hiểm nghèo...

l. Giết người bằng cách có khả năng làm chết nhiều người

Cách có khả năng làm chết nhiều người là nói đến tính năng, tác dụng của phương tiện, công cụ hoặc thủ đoạn mà người phạm tội sử dụng khi phạm tội có tính nguy hiểm cao, có thể gây chết nhiều người, như: giết người bằng cách ném lựu đạn vào chỗ đông người, bỏ thuốc độc vào bể nước nhằm giết

một người mà người phạm tội mong muốn. Hậu quả của hành vi sử dụng cách này có khả năng làm chết nhiều người chứ không đòi hỏi phải có hậu quả xảy ra là nhiều người đã chết.

m. Thuê giết người hoặc giết người thuê

Thuê giết người là trường hợp người phạm tội lợi dụng lợi ích vật chất thuê người khác thực hiện hành vi giết người theo ý muốn của mình. Người trực tiếp giết người trong trường hợp này là người giết thuê. Thuê giết người và người giết thuê có mối liên hệ mật thiết với nhau, cái này là tiền đề của cái kia, thiếu một trong hai cái thì không có trường hợp giết người này xảy ra.

Giết người thuê là trường hợp người phạm tội lấy việc giết người làm phương tiện để kiếm tiền hoặc lợi ích vật chất khác, vì muốn có lợi ích vật chất nên người phạm tội đã nhận lời với người thuê mình để giết người khác.

n. Giết người có tính chất côn đồ

Giết người có tính chất côn đồ là trường hợp khi giết người, người phạm tội rõ ràng đã coi thường những quy tắc trong cuộc sống, có tính hung hãn cao độ, có những hành vi ngang ngược, coi thường tính mạng của người khác, giết người vô cớ hoặc cố tình sử dụng những nguyên cơ nhỏ nhất để giết người. Tuy nhiên, việc xác định trường hợp giết người có tính chất côn đồ không phải bao giờ cũng dễ dàng như các trường hợp giết người khác được quy định tại khoản 1 Điều 93 BLHS.

Khi xác định trường hợp giết người có tính chất côn đồ cần phải có quan điểm xem xét toàn diện, tránh xem xét một cách phiến diện như: chỉ nhấn mạnh đến nhân thân người phạm tội, hoặc chỉ nhấn mạnh đến địa điểm xảy ra vụ giết người, hay chỉ nhấn mạnh đến hành vi cụ thể gây ra cái chết cho nạn nhân, đâm nhiều nhát dao vào người nạn nhân là có tính chất côn đồ, nhưng có trường hợp người phạm tội chỉ đâm một nhát trúng tim nạn nhân chết ngay cũng có tính chất côn đồ. Cần xem xét đến mối quan hệ giữa người

phạm tội với nạn nhân, thái độ người phạm tội khi gây án, nguyên nhân nào dẫn đến việc người phạm tội giết người...

o. Giết người có tổ chức

Giết người có tổ chức là trường hợp nhiều người tham gia vào một vụ giết người, có sự cấu kết chặt chẽ giữa các chủ thể cùng thực hiện việc giết người, có sự phân công, có người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc giết người. Nếu nhiều người cùng tham gia vào một vụ án giết người nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ, mà chỉ có sự đồng tình có tính chất hời hợt thì không phải là giết người có tổ chức.

Khi đã xác định giết người có tổ chức thì tất cả những người cùng tham gia vụ giết người dù ở vai trò nào (chủ mưu, thực hành, giúp sức hay xúi giục) đều bị coi là giết người có tổ chức. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt (cá thể hóa hình phạt) thì phải căn cứ vào vai trò, vị trí của từng người tham gia vào vụ án.

p. Giết người thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm

Giết người thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là trường hợp giết người thỏa mãn các điều kiện được quy định tại khoản 2 Điều 49 BLHS. Tức là trường hợp trước khi giết người người phạm tội đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng, chưa được xóa án tích hoặc đã tái phạm và chưa được xóa án tích.

q. Giết người vì động cơ đê hèn

Giết người vì động cơ đê hèn là trường hợp giết người mà tính chất của động cơ phạm tội đã là mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi giết người tăng lên đáng kể so với những trường hợp bình thường. Động cơ đê hèn của người phạm tội giết người được xác định qua việc tổng kết kinh nghiệm xét xử nhiều năm của nước ta. Thực tiễn xét xử đã coi những trường hợp sau đây là giết người vì động cơ đê hèn:

- Giết vợ hoặc chồng để tự do lấy vợ hoặc chồng khác;
- Giết chồng để lấy vợ hoặc giết vợ để lấy chồng nạn nhân;
- Giết người tình mà biết họ đã có thai với mình để trốn tránh trách nhiệm;
- Giết chủ nợ để trốn nợ;
- Giết người để cướp của;
- Giết người là ân nhân của mình.

Ngoài các trường hợp đã nêu trên, thực tiễn xét xử còn có các trường hợp sau đây cũng nên coi là hành vi giết người vì động cơ đê hèn. Đó là trường hợp người có hành vi giết người không giết được người mình muốn giết mà giết người thân của họ mà những người này không hề có mâu thuẫn gì với người có hành vi giết người, họ yếu đuối không có khả năng tự vệ như ông bà già, người bị bệnh nặng và trẻ em, họ là bố mẹ, vợ con của người mà người có hành vi giết người định giết nhưng giết không được.

1.1.2 Phân biệt dấu hiệu pháp lý của tội giết người với một số tội phạm khác có liên quan

Xét về cấu trúc pháp lý, mỗi tội phạm bao giờ cũng bao gồm đầy đủ bốn yếu tố cấu thành tội phạm và chứa đựng tất cả các dấu hiệu đặc trưng nhất cho một loại tội phạm được quy định trong BLHS. Tuy nhiên, trong một số tội phạm sẽ có sự tương đồng của các dấu hiệu pháp lý giữa các tội phạm đó mà cần phải có sự so sánh, phân biệt chúng một cách rõ ràng để tránh sai lầm nghiêm trọng trong áp dụng pháp luật, nhất là trong định tội danh. Dưới đây là một số tội danh điển hình cần có sự phân biệt đối với tội giết người.

1.1.2.1 Phân biệt dấu hiệu pháp lý của tội giết người theo quy định tại Điều 93 BLHS với tội giết con mới đẻ theo quy định tại Điều 94 BLHS

Tội giết người và tội giết con mới đẻ là hai tội được sắp xếp liền kề và thứ tự đầu tiên trong Chương XII quy định về các tội phạm xâm phạm tính

mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người. Tuy nhiên, hai tội này có những đặc trưng khác nhau, cụ thể:

Thứ nhất, về chủ thể. Chủ thể của tội giết người là bất kỳ người nào có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ 14 tuổi trở lên. Còn chủ thể của tội giết con mới đẻ chủ thể đặc biệt, đó là những người mẹ đã sinh ra nạn nhân. Chủ thể của tội phạm giết con mới đẻ chỉ là người mẹ sinh ra đứa trẻ. Người mẹ này chịu ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu (như: khiếp sợ trước dư luận chê bai về việc mang thai và đẻ con ngoài giá thú, hoặc trước dư luận khắt nghiệt của nhà chồng cho đẻ con gái là tai họa v.v...) hoặc bị hoàn cảnh khách quan đặc biệt chi phối (như: đứa trẻ sinh ra có dị dạng, bị nan y bẩm sinh mà việc chữa trị rất khó khăn, tốn kém...).

Thứ hai, về nạn nhân. Nạn nhân của tội giết người là bất kỳ người nào bị tước đoạt quyền sống không phân biệt độ tuổi, nhân thân... còn nạn nhân của tội giết con mới đẻ phải là đứa con mới được sinh ra, đồng thời chính là con của người phạm tội. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/HĐTP ngày 29/11/1986 của HĐTP TAND tối cao thì con mới đẻ là đứa con mới sinh ra trong vòng bảy ngày trở lại [20].

1.1.2.2 Phân biệt dấu hiệu pháp lý của tội giết người quy định tại Điều 93 BLHS với tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh quy định tại Điều 95 BLHS

“Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” là trường hợp người phạm tội không còn nhận thức đầy đủ về hành vi của mình như lúc bình thường. Tuy nhiên, họ chưa mất hẳn khả năng nhận thức. Họ đánh mất khả năng tự chủ của bản thân mà thực hiện hành vi phạm tội do nạn nhân đã có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng với bản thân họ hay đối với người thân thích của họ. Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là trường hợp riêng của tội giết người. Vì vậy, tội phạm này so với tội giết người có nhiều dấu

hiệu pháp lý giống nhau như: cả hai tội người phạm tội đều có hành vi cố ý tước đoạt tính mạng của người khác trái pháp luật. Điểm khác nhau giữa hai tội này là ở trạng thái tinh thần khi phạm tội và một số dấu hiệu riêng khác.

Như vậy, tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 95 BLHS) ngoài dấu hiệu pháp lý chung của tội giết người còn có những dấu hiệu pháp lý riêng, đó là:

- Về trạng thái tinh thần của người phạm tội khi cố ý gây ra cái chết cho nạn nhân. Nếu như trong tội giết người, trạng thái tinh thần của người phạm tội khi gây ra cái chết cho nạn nhân không phải là dấu hiệu bắt buộc thì trong tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, trạng thái tinh thần của người phạm tội khi cố ý gây ra cái chết cho nạn nhân lại là dấu hiệu bắt buộc. Người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Tình trạng tinh thần bị kích động mạnh là tình trạng người phạm tội không hoàn toàn tự chủ, tự kiềm chế được hành vi phạm tội của mình [20]. Ở tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh thì nguyên nhân dẫn đến giết người là do ức chế, phản uất về mặt tâm lý xuất phát từ hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân. Trong trạng thái tâm lý này người phạm tội không tự kiềm chế được hành vi phạm tội của mình; khả năng tự chủ, khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi bị hạn chế ở mức độ cao, từ đó có hành vi giết người. Do vậy, người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội phải bị kích động đến mức mất khả năng tự chủ về hành vi của mình. Trong trường hợp người phạm tội bị kích động nhưng chưa đến mức mất khả năng tự chủ thì không bị coi là kích động mạnh và không thuộc trường hợp “giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” mà họ phạm tội “giết người”, được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 46 BLHS.

- Về phía người bị hại. Nếu nạn nhân của tội giết người là bất kỳ người nào thì nạn nhân của tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh phải chính là người có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của người phạm tội hoặc lợi ích hợp pháp của những người thân thích của người phạm tội. Hành vi trái pháp luật của nạn nhân có thể là hành vi mang tính nhỏ nhặt nhưng do tác động trong một thời gian dài gây kích động, dồn nén, âm ỉ và bùng phát ở một thời điểm nào đó gây kích động mạnh về tinh thần của người phạm tội. Hành vi trái pháp luật nghiêm trọng có thể là hành vi phạm tội hoặc có thể là hành vi vi phạm pháp luật khác như dân sự, hôn nhân gia đình...

- Ngoài ra, đối với tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh thì hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân với trạng thái tinh thần bị kích động mạnh của người phạm tội phải có mối quan hệ nhân quả. Mối quan hệ giữa hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân với trạng thái tinh thần bị kích động mạnh của người phạm tội phải là mối quan hệ nhân quả, biện chứng và tất yếu. Nếu không có hành vi trái pháp luật của nạn nhân thì sẽ không có trạng thái tinh thần bị kích động mạnh của người phạm tội và ngược lại, nếu người phạm tội không bị kích động bởi hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân thì không thuộc trường hợp “giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” mà thuộc trường hợp phạm tội “giết người”.

Hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân phải gây ra trạng thái tinh thần bị kích động mạnh ngay tức khắc hoặc liền ngay sau đó. Điều đó có nghĩa là nếu nạn nhân có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng, nhưng hành vi đó đã xảy ra trước, đã bị xử lý hành chính hoặc hình sự nhưng sau đó, người phạm tội lấy lý do đó để giết nạn nhân thì không coi là giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh mà người phạm tội phải bị xử lý về tội giết người.

Trên thực tiễn, việc xác định một người có bị kích động mạnh về tinh thần hay không hết sức phức tạp, bởi lẽ trạng thái tâm lý của mỗi người là khác nhau. Vì vậy, cần phải căn cứ vào từng trường hợp cụ thể, xem xét toàn diện các vấn đề liên quan đến vụ án như: nhân thân người phạm tội; quá trình diễn biến của sự việc; nghề nghiệp, trình độ văn hóa, kiến thức xã hội, hoàn cảnh gia đình, tính tình, bệnh tật...; quan hệ giữa người phạm tội với nạn nhân, mức độ lỗi của nạn nhân... để từ đó xác định người thực hiện hành vi phạm tội đã phạm vào tội giết người hay tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

1.1.2.3 Phân biệt dấu hiệu pháp lý của tội giết người quy định tại Điều 93 BLHS với tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng quy định tại Điều 96 BLHS

Khoản 2 Điều 15 BLHS quy định: “Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại”.

Giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là trường hợp người phạm tội hoàn toàn có khả năng thoát hiểm khi nạn nhân tấn công nhưng vì lo sợ quá mức cần thiết đã có hành vi chống trả không tương xứng với hành vi của nạn nhân. Đây thực chất là trường hợp giết người có tính chất giảm nhẹ đặc biệt. Vì vậy, trước đây BLHS năm 1985 quy định là tình tiết giảm nhẹ ngay trong cấu thành tội phạm giết người (khoản 3 Điều 101), nay BLHS năm 1999 tách ra một tội riêng. Do đó, tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng cũng có những dấu hiệu giống như ở tội giết người nhưng có thêm dấu hiệu vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, đó là:

- Nạn nhân của tội phạm: Nếu nạn nhân của tội giết người là bất kỳ người nào thì nạn nhân của tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng bắt buộc phải là người đang thực hiện hành vi xâm phạm lợi ích

của Nhà nước, của tổ chức, xâm phạm quyền hoặc lợi ích chính đáng của người phạm tội hoặc của người khác. Hành vi đó là hành vi phạm tội hoặc là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Hành vi xâm hại của nạn nhân phải đang diễn ra, tức là đã bắt đầu nhưng chưa kết thúc.

- Động cơ phạm tội: Nếu trong tội giết người, động cơ phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc thì trong tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, động cơ phạm tội lại là dấu hiệu bắt buộc. Để bảo vệ các lợi ích hợp pháp, người phạm tội đã có hành vi tước đoạt tính mạng của nạn nhân, hậu quả là nạn nhân chết.

Hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi phòng vệ của người phạm tội rõ ràng là quá mức cần thiết, không tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của sự tấn công của nạn nhân. Để đánh giá mức độ tương xứng của hành vi phòng vệ chính đáng cần xem xét các tình tiết khác như: tính chất quan trọng của lợi ích bị xâm hại; mức độ thiệt hại mà hành vi tấn công của nạn nhân có thể gây ra; sức mạnh của sự tấn công; tính chất và mức độ nguy hiểm của phương pháp, phương tiện hay công cụ mà nạn nhân sử dụng; sức mạnh và khả năng phòng vệ của người phạm tội đặt trong hoàn cảnh cụ thể...

1.1.2.4 Phân biệt dấu hiệu pháp lý của tội giết người quy định tại Điều 93 BLHS với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác dẫn đến hậu quả chết người quy định tại khoản 3 Điều 104 BLHS

Khoản 3 Điều 104 BLHS quy định trường hợp cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác dẫn đến chết người. Đây là trường hợp người phạm tội chỉ cố ý gây thương tích hay gây tổn hại đến sức khỏe của nạn nhân nhưng không may làm nạn nhân chết. Việc gây ra cái chết cho nạn nhân là ngoài ý muốn của người phạm tội.

Có thể nhận thấy rằng trong hai tội phạm này đều có một số yếu tố cấu thành giống nhau. Đây chính là nguyên nhân dẫn đến sự nhầm lẫn trong việc định tội danh và áp dụng điều luật trong thực tiễn xét xử. Trong tội cố ý gây thương tích dẫn đến hậu quả chết người, khách thể bị xâm phạm ngoài sức khỏe còn là tính mạng, đây cũng chính là khách thể bị xâm phạm trong tội giết người.

Thứ nhất, căn cứ vào khách thể của tội phạm

Khách thể của tội giết người là quyền được tôn trọng và bảo vệ tính mạng; còn khách thể của tội cố ý gây thương tích là quyền được tôn trọng và bảo vệ sức khỏe con người.

Thứ hai, căn cứ vào hành vi khách quan

Đối với tội giết người, hành vi khách quan diễn ra thông thường như mô tả trong cấu thành tội phạm là hành vi cố ý tước đoạt tính mạng của người khác một cách trái pháp luật, nghĩa là có hành vi tấn công và hậu quả chết người đã xảy ra.

Đối với tội cố ý gây thương tích dẫn đến chết người, hành vi khách quan cũng là những hành vi tấn công nhưng chỉ nhằm gây thương tích cho người khác. Có thể đánh giá mục đích của hành vi tấn công thông qua mức độ quyết liệt, hung khí sử dụng, quyết tâm phạm tội... Thông thường người phạm tội sau khi tấn công đã gây thương tích cho nạn nhân họ sẽ dừng việc tấn công mặc dù không có trở ngại khách quan nào.

Như vậy, muốn phân biệt được hai tội này, phải nắm cho được ý thức chủ quan của can phạm. Về ý thức chủ quan thì chủ thể của tội cố ý gây thương tích nhận thức được hành vi phạm tội của mình sẽ gây thương tích cho nạn nhân, mong muốn hoặc để mặc cho hậu quả thương tích xảy ra; còn chủ thể của tội giết người nhận thức được hành vi của mình không những có thể gây ra thương tích mà còn có thể gây ra hậu quả chết người, mong muốn hoặc

để mặc cho hậu quả này xảy ra. Muốn nắm được mặt chủ quan không còn cách nào khác là phân tích các tình tiết khách quan, nghĩa là các tình tiết được thể hiện ra bên ngoài một cách toàn diện, biện chứng.

Thứ ba, căn cứ vào các dấu hiệu thuộc mặt chủ quan (lỗi của người phạm tội)

Đối với tội giết người, trên thực tế thông thường lỗi của người phạm tội là mong muốn tước đoạt tính mạng của người khác (lỗi cố ý trực tiếp) hoặc không mong muốn nhưng có ý thức bỏ mặc cho hậu quả chết người xảy ra (lỗi cố ý gián tiếp), nghĩa là hậu quả chết người đã nằm trong tính toán của người phạm tội.

Đối với tội cố ý gây thương tích dẫn đến chết người, lỗi của người thực hiện tội phạm thông thường là cố ý trực tiếp với mục đích rõ ràng là chỉ nhằm gây thương tích và hành vi khách quan được thực hiện trên thực tế xét về tính nguy hiểm cũng chỉ đến mức gây thương tích, hậu quả chết người xảy ra nằm ngoài tính toán của người phạm tội, lỗi của người phạm tội chỉ là lỗi vô ý. Giữa thương tích và cái chết của nạn nhân có mối quan hệ nhân quả. Hậu quả chết người có thể do những yếu tố khách quan khác mang lại.

Tóm lại, để phân biệt tội giết người với tội cố ý gây thương tích dẫn đến chết người thì cần phải xác định được lỗi của người phạm tội đối với hậu quả chết người. Nếu người phạm tội thấy trước được hậu quả chết người, mong muốn hoặc để mặc cho hậu quả đó xảy ra (lỗi với hậu quả chết người là lỗi cố ý) thì phải định tội là tội giết người. Trường hợp người phạm tội chỉ thấy trước hậu quả gây thương tích, mong muốn hoặc để mặc cho hậu quả này xảy ra (lỗi với hậu quả thương tích là cố ý), còn đối với hậu quả chết người thì người phạm tội hoặc là không thấy trước mặc dù phải thấy trước và có thể thấy trước, hoặc là thấy trước nhưng tự tin cho rằng hậu quả chết người sẽ không xảy ra

hoặc có thể ngăn chặn được (lỗi với hậu quả chết người là lỗi vô ý) thì định tội cố ý gây thương tích theo khoản 3 Điều 104 BLHS.

Để xác định thái độ chủ quan của người phạm tội đối với hậu quả chết người phải căn cứ vào nhiều yếu tố, trong đó chủ yếu vẫn phải đánh giá hành vi khách quan và các dấu hiệu khác thuộc mặt khách quan, cụ thể như: sự lựa chọn công cụ, phương tiện, phương pháp phạm tội và lựa chọn cách thức sử dụng phương tiện; vũ khí, hung khí tấn công; vị trí tấn công trên cơ thể nạn nhân và mức độ nghiêm trọng của thương tích; cường độ tấn công; nguyên nhân trực tiếp dẫn đến chết người và thời gian chết của nạn nhân; biểu lộ cử chỉ và ngôn ngữ của người phạm tội trước, trong và sau khi thực hiện tội phạm...

1.2 Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội giết người

1.2.1 Khái quát lịch sử hình thành các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội giết người từ năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999

- Giai đoạn 1945-1985

Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã mở ra thời kỳ mới, xóa bỏ hoàn toàn chế độ nửa thuộc địa phong kiến, lập nên Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Cùng với việc củng cố, bảo vệ chính quyền non trẻ, Đảng và Nhà nước ta đã quan tâm đặc biệt đến việc xây dựng và áp dụng pháp luật để bảo vệ Tổ quốc. Để kịp thời bảo vệ các quan hệ xã hội mới, Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản pháp luật như: Sắc lệnh số 26/SL ngày 25/02/1946 trừng trị tội phá hoại công sản [8]; Sắc lệnh số 27/SL ngày 28/02/1946 trừng trị các tội bắt cóc, tống tiền và ám sát [9]; Sắc lệnh số 133/SL ngày 20/01/1953 trừng trị những tội xâm phạm an ninh đối nội và an toàn đối ngoại của Nhà nước [10]; Sắc lệnh số 151/SL ngày 12/4/1953 trừng trị địa chủ chống pháp luật [11]; Thông tư số 442/TTg ngày 10/01/1955 tổng kết án lệ về một số tội phạm thông thường [7]. Trong giai đoạn này không có văn bản nào quy định riêng

về tội giết người mà tội giết người chỉ được điểm đến trong các văn bản quy định về một nhóm tội cần tập trung trấn áp để bảo vệ chính quyền, công sản và một số đối tượng đặc biệt nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phản đế, phản phong; và hành vi phạm tội giết người được quy định dưới nhiều hình thức khác nhau như ám sát, giết, cố ý giết người...

Kháng chiến chống Pháp thắng lợi, hòa bình lập lại, cách mạng Việt Nam bước sang giai đoạn mới. Những văn bản pháp luật của đế quốc và phong kiến mặc dù được áp dụng theo tinh thần mới nhưng không còn phù hợp nữa. Ngày 30/6/1955 Thông tư số 19/VHH-HS của Bộ Tư pháp ra đời yêu cầu các Tòa án không áp dụng pháp luật của đế quốc phong kiến nữa, mở ra trang sử mới cho pháp luật hình sự Việt Nam nói chung, pháp luật về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người nói riêng. Việc xét xử tội phạm thuộc nhóm tội này dựa vào đường lối, chính sách và các văn bản pháp luật do TAND tối cao ban hành.

Để thực hiện đường lối của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới, từ năm 1955 đến năm 1976, Chính phủ và TAND tối cao đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn đường lối xử lý tội giết người như: Chỉ thị số 1025/TATC ngày 15/6/1960 của TAND tối cao về đường lối xử lý tội giết người vì mê tín; Bản chuyên đề tổng kết thực tiễn xét xử loại tội giết người ban hành kèm theo Công văn số 452/HS2 ngày 10/8/1970 của TAND tối cao về thực tiễn xét xử tội giết người; Sắc luật số 03/SL ngày 15/3/1976 của Hội đồng Chính phủ cách mạng lâm thời và Thông tư số 03/SL-BTP-TT ngày 15/4/1976 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Sắc luật số 03/SL quy định các tội phạm và hình phạt trong đó có tội giết người với nội dung: *“Phạm tội cố ý giết người thì bị phạt tù từ mười lăm năm đến tù chung thân hoặc bị xử tử hình. Trường hợp có nhiều tình tiết giảm nhẹ thì mức hình phạt có thể thấp hơn”* [18]. Nghiên cứu tội giết người trong các văn bản nói trên có thể thấy, trong giai đoạn này Luật hình sự

đã bỏ sung vào tội giết người nhiều tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ như: giết người vì động cơ đê hèn hoặc có tính chất côn đồ; giết phụ nữ mà biết là có mang; giết người trong tình trạng bị nạn nhân ngược đãi hoặc áp bức tàn tệ...

Năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ra đời. Vì phải tập trung sức người, sức của để khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng đất nước và ổn định cuộc sống cho nhân dân hai miền Nam, Bắc, chưa có điều kiện xây dựng hệ thống pháp luật mới nên từ năm 1976 đến trước khi có BLHS năm 1985, Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam vẫn áp dụng một số văn bản thời kỳ trước để trừng trị tội giết người. Cụ thể: Ngày 06/7/1976, TAND tối cao đã ban hành Bản sơ thảo Chỉ thị số 54-TATC hướng dẫn thi hành pháp luật thống nhất, trong đó chỉ rõ văn bản quy định tội giết người đang có hiệu lực thi hành là Sắc luật số 03/SL ngày 15/3/1976 của Hội đồng Chính phủ cách mạng lâm thời. Theo đó: *“Phạm tội cố ý giết người thì bị phạt tù từ mười lăm năm tù, chung thân hoặc bị xử tử hình. Trường hợp có tình tiết giảm nhẹ thì mức hình phạt có thể thấp hơn”* [18].

Thời gian này, thông qua các bản tổng kết công tác hàng năm của ngành Tòa án, TAND tối cao đã hướng dẫn việc áp dụng pháp luật trong đó có việc áp dụng quy định về tội giết người cho Tòa án các cấp.

Giai đoạn từ năm 1945 đến trước năm 1985 đánh dấu một bước ngoặt mới của pháp luật hình sự Việt Nam. Các nhà làm luật đã có sự phân hóa trách nhiệm hình sự cũng như mức độ thực hiện tội phạm để có đường lối xử lý tội phạm, tránh sự tùy tiện trong việc áp dụng pháp luật. Pháp luật giai đoạn này thể hiện bản chất của chế độ XHCN, bảo vệ tất cả mọi người trong xã hội, không có sự phân biệt giai cấp, giới tính... Mặc dù vẫn còn một số hạn chế nhất định nhưng pháp luật hình sự Việt Nam trong giai đoạn này có ý nghĩa to lớn, là nền tảng, cơ sở cho việc xây dựng quy định của pháp luật hình sự giai đoạn tiếp theo.

- Giai đoạn 1985-1999

Cùng với việc ban hành BLHS năm 1985 thì hàng loạt các văn bản hướng dẫn thi hành BLHS này cũng được ban hành như: Thông tư liên ngành số 04/TTLN ngày 02/11/1985 của TAND tối cao, VKSND tối cao, Bộ Nội vụ hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS; Nghị quyết số 04/HĐTP ngày 29/11/1986 của HĐTP TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định Phần các tội phạm của BLHS.

Trong BLHS năm 1985, tội giết người được quy định cụ thể, chặt chẽ, chi tiết hơn cả về nội dung lẫn kỹ thuật lập pháp tại một điều luật (Điều 101), với các loại cấu thành tội phạm khác nhau: cấu thành cơ bản, cấu thành tăng nặng và cấu thành giảm nhẹ.

Qua thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm, tính chất của tội phạm giết người ngày càng nguy hiểm, càng tinh vi, manh động. Nhằm phù hợp với tình hình thực tế phát sinh, BLHS năm 1985 qua 4 lần sửa đổi, bổ sung, trong đó tội giết người (Điều 101) được sửa đổi vào năm 1989 như sau: Khoản 2 quy định “phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm”, được sửa đổi thành “phạt tù từ năm năm đến hai mươi năm”.

Có thể thấy BLHS năm 1985 quy định về tội giết người tại Điều 101 khá cụ thể. Điều luật có sự phân hóa cụ thể hành vi của người phạm tội, mức độ nguy hiểm, xem xét đến nạn nhân và nhân thân người phạm tội. Đặc biệt, trong BLHS này một số tình tiết định khung tăng nặng được quy định hệ thống và đầy đủ hơn, thậm chí có một số tình tiết lần đầu tiên được quy định trong tội giết người, đó là: giết người bằng cách lợi dụng nghề nghiệp, tái phạm nguy hiểm. Ngoài ra, còn quy định một số tình tiết định khung giảm nhẹ như trong trạng thái tinh thần kích động mạnh (khoản 3) và người mẹ giết con mới đẻ...do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu (khoản 4)...

Mặc dù đã xây dựng được các loại cấu thành khác nhau của tội giết người (cấu thành cơ bản, cấu thành tăng nặng, cấu thành giảm nhẹ), với một hệ thống tương đối đầy đủ một số tình tiết định khung (tăng nặng và giảm nhẹ), nhưng BLHS năm 1985 vẫn còn một số hạn chế, như: khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 101 quá rộng (từ năm năm đến hai mươi năm tù); trong cùng một điều luật lại quy định đến mười tám trường hợp phạm tội có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội khác nhau quá xa (nếu ở khoản 1 người phạm tội có thể bị phạt tới tử hình thì ở khoản 4 người phạm tội chỉ có thể phạt tối đa hai năm tù hoặc thậm chí họ chỉ bị phạt cải tạo không giam giữ, nhưng về tội danh, họ đều bị kết án về tội giết người) nên không thể hiện rõ nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự và dễ dẫn đến tình trạng áp dụng thiếu chính xác, thiếu sự đồng bộ...;

1.2.2 Quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) về tội giết người

BLHS năm 1999 ra đời đánh dấu bước phát triển vượt bậc nền lập pháp Việt Nam, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho cuộc đấu tranh, phòng chống tội phạm nói chung và tội giết người nói riêng ở Việt Nam. Ở Bộ luật này, tội giết người quy định tại Điều 93, Chương XII các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người bao gồm 3 khoản quy định chi tiết hơn, cụ thể hơn về hành vi tội giết người, đồng thời quy định cụ thể về hình phạt cho từng loại hành vi với hai khung hình phạt chính và một khung hình phạt bổ sung.

Điều 93. Tội giết người.

1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình:

- a) Giết nhiều người;
- b) Giết phụ nữ mà biết là có thai;

- c) Giết trẻ em;
- d) Giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân;
- đ) Giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình;
- e) Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng;
- g) Để thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác;
- h) Để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân;
- i) Thực hiện tội phạm một cách man rợ;
- k) Bằng cách lợi dụng nghề nghiệp;
- l) Bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người;
- m) Thuê giết người hoặc giết người thuê;
- n) Có tính chất côn đồ;
- o) Có tổ chức;
- p) Tái phạm nguy hiểm;
- q) Vì động cơ đê hèn.

2. Phạm tội không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một năm đến năm năm.

Tội giết người (Điều 101 BLHS năm 1985) được tách thành 3 tội trong BLHS năm 1999: Tội giết người (Điều 93); Tội giết con mới đẻ (Điều 94); Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 95). Qua thực tiễn xét xử, ta nhận thấy có rất nhiều vụ án mà tính chất, mức độ nguy hiểm rất khác nhau nhưng lại nằm trong quy định của một điều luật gây khó khăn trong việc vận dụng sao cho phù hợp, sao cho hợp lý, bảo đảm tính chính xác. Việc tách các hành vi phạm tội ra thành một số tội phạm độc lập không chỉ

tạo điều kiện thuận lợi cho các Thẩm phán khi áp dụng, phục vụ công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm mà còn thể hiện bước phát triển hoàn thiện nền lập pháp Việt Nam phù hợp với xu hướng chung của thời đại.

So với BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 đã bổ sung thêm một số tình tiết định khung tăng nặng về tội giết người tại khoản 1 Điều 93 mà khoản 1 Điều 101 BLHS năm 1985 không có quy định. Đó là các tình tiết: giết trẻ em; giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình; để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân; thuê giết người hoặc giết người thuê. Như vậy, BLHS năm 1999 đã bổ sung thêm một số cấu thành tội phạm cơ bản mới dựa vào các tình tiết định khung giảm nhẹ trong điều luật cũ. Điều này phản ánh nguyên tắc phân hóa TNHS được thực hiện thêm một bước cao hơn, phù hợp với nguyên tắc xử lý của BLHS là mọi hành vi phạm tội phải được phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh, nhanh chóng theo đúng pháp luật.

BLHS năm 1999 còn hạ mức hình phạt tối đa và nâng mức hình phạt tối thiểu lên (khoản 2 Điều 93 từ “năm năm” lên “bảy năm” và từ “hai mươi năm” xuống “mười lăm năm”) bởi vì hình phạt áp dụng đối với tội giết người trong cấu thành cơ bản (khoản 2 Điều 93) và hình phạt đối với người phạm tội cố ý gây thương tích dẫn đến chết người lại bằng nhau. Như vậy là không hợp lý trong việc quy định khi căn cứ vào tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội.

BLHS năm 1999 được Quốc hội khoá XII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19/6/2009 sửa đổi bổ sung một số điều của BLHS được Quốc hội thông qua năm 1999, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2010. Lần sửa đổi này, tội giết người vẫn giữ nguyên nội dung cấu thành và chế tài.

BLHS năm 1999 tồn tại cho đến nay, cơ bản phù hợp đáp ứng được yêu cầu của đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Những đổi mới trong quy định về tội giết người là thành tựu khoa học của các nhà làm luật

góp phần trong công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm, đưa đất nước đi lên bắt kịp nhịp độ chung của thế giới.

1.2.3 Quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về tội giết người

BLHS năm 2015 được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27/11/2015, chưa có hiệu lực thi hành. Ở Bộ luật này, tội giết người quy định tại Điều 123, bao gồm có 4 khoản. Các quy định và chế tài vẫn giữ nguyên như Điều 93 BLHS năm 1999, chỉ bổ sung thêm một khoản quy định về trường hợp chuẩn bị phạm tội: “Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm” (khoản 3); đồng thời sửa đổi một số thuật ngữ để phù hợp với các quy định của các luật chuyên ngành khác có liên quan như: thay thế cụm từ “giết nhiều người” thành “giết 02 người trở lên”, “giết trẻ em” sửa thành “giết người dưới 16 tuổi”.

Kết luận chương 1

Giết người là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, trước khi có BLHS thì tội danh này đã được quy định rất sớm trong hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam.

Trên cơ sở nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật hình sự Việt Nam về tội giết người, chúng ta có thể thấy quy định về tội giết người ngày càng hoàn thiện. BLHS năm 1999 hiện hành đã được xây dựng trên cơ sở kế thừa những kinh nghiệm lập pháp của cha ông ta. Nó vừa mang tính sáng tạo, đổi mới phù hợp với xu thế phát triển và hội nhập của đất nước vừa giữ được những bản sắc văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục phù hợp với truyền thống lâu đời của dân tộc ta. Có thể nói quy định về tội giết người trong hệ thống pháp luật Việt Nam từ trước đến nay cơ bản luôn theo kịp và thích ứng với điều kiện hoàn cảnh của đất nước ta trong từng giai đoạn lịch sử.

Trong giai đoạn hiện nay, khi đất nước ta đang đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, xây dựng nhà nước pháp quyền xã

hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân. Quyền con người mà nhất là quyền bất khả xâm phạm về tính mạng luôn được Hiến pháp và pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Tội phạm giết người có ảnh hưởng và tác động rất lớn đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương, tác động rất lớn đến tâm lý của nhân dân và tâm trạng xã hội. Vì vậy, việc xử lý tội phạm này là một vấn đề cấp bách

Trong chương này, thông qua việc làm rõ khái niệm, dấu hiệu pháp lý của tội giết người, tác giả đã phân biệt dấu hiệu pháp lý của tội giết người với một số tội phạm khác có liên quan nhằm tránh những sai lầm nghiêm trọng trong áp dụng pháp luật, nhất là trong định tội danh. Kết quả nghiên cứu này có ý nghĩa khoa học, góp phần bổ sung vào lý luận và pháp luật về tội giết người.

Chương 2

ĐỊNH TỘI DANH TỘI GIẾT NGƯỜI THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TRONG THỰC TIỄN XÉT XỬ SƠ THẨM CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ VỀ TỘI GIẾT NGƯỜI Ở ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

2.1 Khái quát lý luận về định tội danh đối với tội giết người

2.1.1 Khái quát lý luận về định tội danh

Trong lý luận khoa học luật hình sự, việc áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự được hiểu là một quá trình đa dạng và phức tạp được tiến hành qua các giai đoạn nhất định như: giải thích pháp luật hình sự, xác định hiệu lực pháp luật về thời gian và không gian, định tội danh, quyết định hình phạt... Trong đó, định tội danh là một trong những giai đoạn cơ bản để đưa các quy phạm pháp luật hình sự vào cuộc sống. Định tội danh còn là tiền đề, cơ sở cho việc áp dụng các quy phạm pháp luật khác của pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự, như xác định thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử, áp dụng các biện pháp ngăn chặn, xác định thời hạn điều tra, truy tố, xét xử... Đối với việc xét xử thì chỉ sau khi thực hiện xong việc định tội danh, Tòa án mới có cơ sở để thực hiện vấn đề áp dụng hình phạt.

Định tội danh không phải là một vấn đề mới nhưng thật sự đối với những người tiến hành tố tụng khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử luôn luôn là một vấn đề nóng, gây nhiều tranh cãi trong việc định tội danh đối với những vụ án có tính chất phức tạp. Có thể nói trong giai đoạn áp dụng pháp luật hình sự thì định tội danh là một nội dung cơ bản nhất, quan trọng quyết định việc áp dụng hình phạt và áp dụng các quy định pháp luật khác của giai đoạn tố tụng hình sự. Định tội đúng có ý nghĩa quyết định trong vụ án hình sự, bởi vì nó là cơ sở cần thiết đầu tiên cho việc truy cứu TNHS người phạm tội. Trên cơ sở xác định người phạm tội đã thực hiện hành vi phạm tội gì, quy định tại điều, khoản nào của BLHS, người áp dụng sẽ quyết định một hình phạt phù

hợp đối với hành vi phạm tội đó. Vì thế, định tội được xem là tiền đề, điều kiện cho việc quyết định hình phạt đúng đắn, góp phần mang lại hiệu quả trong phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Trong trường hợp định tội không chính xác sẽ dẫn đến kết án sai, không phù hợp với sự thật khách quan của vụ án, xử lý oan người vô tội, bỏ lọt tội phạm, xử nhẹ hoặc nặng hơn so với tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Việc xử lý hình sự thiếu chính xác như thế sẽ xâm phạm đến những quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, làm giảm uy tín của các cơ quan tư pháp, vi phạm pháp chế, ảnh hưởng không nhỏ đến công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Như vậy, *“định tội danh là việc xác định và ghi nhận về mặt pháp lý sự phù hợp chính xác giữa các dấu hiệu của hành vi tội phạm cụ thể đã được thực hiện với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm đã được quy định trong quy phạm pháp luật hình sự”* [17].

Trong lý luận cũng như thực tiễn, khái niệm định tội danh được hiểu ở hai nghĩa. Trước hết, định tội danh là một quá trình logic nhất định, là hoạt động của con người về việc xác nhận và ghi nhận sự phù hợp giữa trường hợp phạm tội cụ thể đang xem xét với các dấu hiệu của một cấu thành tội phạm được quy định trong phần các tội phạm của BLHS. Thứ hai, định tội danh là việc đánh giá về mặt pháp lý đối với một hành vi nguy hiểm cho xã hội. Hai nghĩa này có sự quan hệ mật thiết với nhau trong khái niệm định tội danh.

Định tội danh cũng có nghĩa là một trong những hình thức hoạt động về mặt pháp lý, là sự đánh giá về mặt pháp lý đối với các hành vi nguy hiểm cho xã hội mà người có thẩm quyền đang xem xét, xác định hành vi được quy định ở điều nào của BLHS. Hay định tội danh là kết luận về sự phù hợp giữa trường hợp phạm tội cụ thể đang được xem xét với khái niệm về loại tội tương ứng được quy định trong quy phạm pháp luật hình sự, tức là việc lựa chọn quy phạm pháp luật hình sự để áp dụng đối với hành vi cụ thể đang xem

xét. Điều đó có nghĩa là sự xác định hành vi xảy ra trong thực tế là hành vi tội phạm. Như vậy, định tội danh thực chất là sự xác định về mặt pháp lý đối với hành vi phạm tội xảy ra trong thực tế. Do đó, điều có ý nghĩa quan trọng trong quá trình định tội danh là phải tìm được những dấu hiệu cơ bản, điển hình và quan trọng nhất, phải chỉ ra những dấu hiệu cần và đủ để xác định thực chất của hành vi xảy ra trong thực tế. Đồng thời, khi đối chiếu các dấu hiệu đó với các dấu hiệu được quy định trong một quy phạm pháp luật hình sự phải đưa ra kết luận rằng nhà làm luật khi ban hành quy phạm pháp luật đó là để áp dụng cho những trường hợp phạm tội cụ thể đang được xem xét.

Nhưng áp dụng quy phạm pháp luật hình sự là một quá trình phức tạp, đòi hỏi phải tiến hành một cách tuần tự từ cái chung đến cái riêng. Tội phạm là một loại vi phạm pháp luật nói chung. Do đó, khi định tội danh, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải thực hiện đầy đủ các bước cơ bản, đảm bảo cho quá trình xác định tội phạm được chính xác. Trước hết, cần phải xác định có hay không có hành vi phạm tội, đó là hành vi phạm tội hay chỉ đơn thuần là hành vi vi phạm pháp luật khác (vi phạm hành chính, vi phạm nghĩa vụ trong dân sự,...). Đặc biệt, trong quá trình phân định loại vi phạm pháp luật cần chú ý đến khả năng loại trừ tính chất phạm tội của hành vi, như trường hợp phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết, sự kiện bất ngờ hay người thực hiện hành vi không có năng lực trách nhiệm hình sự. Sau đó, cần xác định xem hành vi đó vi phạm điều khoản cụ thể nào của Bộ luật hình sự và trên cơ sở đó định tội cho phù hợp.

Ngoài ra, định tội danh là hoạt động được thực hiện ở tất cả các giai đoạn tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự và được tiến hành bởi hệ thống các cơ quan tiến hành tố tụng, từ khi khởi tố vụ án cho tới khi bản án hình sự của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Khi phát hiện có dấu hiệu tội phạm, cơ quan có thẩm quyền trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của mình phải ra Quyết định khởi tố vụ án. Khi đã có đầy đủ căn cứ để xác định một người có hành vi phạm tội thì ra Quyết định khởi tố bị can và phải ghi rõ tội danh và điều khoản của BLHS được áp dụng (Điều 126 Bộ luật TTHS). Kết thúc hoạt động điều tra, Cơ quan điều tra làm bản Kết luận điều tra chuyển sang Viện kiểm sát. Từ bản Kết luận điều tra này, theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định, Viện kiểm sát ra quyết định truy tố bị can ra trước Tòa án bằng cáo trạng ghi rõ tội danh và điều khoản của BLHS cần được áp dụng.

Đối với Tòa án, việc kiểm tra, xem xét định tội danh được thực hiện ngay trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Sau khi nhận được hồ sơ của Viện kiểm sát, trong quá trình chuẩn bị xét xử, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có nhiệm vụ kiểm tra việc truy tố có căn cứ hay không và tùy trường hợp có quyền quyết định: đưa vụ án ra xét xử, trả hồ sơ để điều tra bổ sung, tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án. Khi ra bản án, vấn đề xác định tội danh có ý nghĩa rất lớn. Vì không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật (Điều 9 Bộ luật TTHS). Tại Điều 224 Bộ luật TTHS quy định: Trong bản án phải trình bày việc phạm tội của bị cáo, phân tích những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định không có tội, xác định bị cáo có phạm tội hay không và nếu bị cáo phạm tội thì phạm tội gì, theo điều khoản nào của Bộ luật hình sự... Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm việc xem xét định tội danh đã đúng hay chưa cũng rất được quan tâm, vấn đề này được thể hiện tại các Điều 248, 285, 298 Bộ luật TTHS.

Như vậy, định tội danh là một quá trình năng động và phức tạp, được tiến hành qua tất cả các giai đoạn tố tụng hình sự. Ở mỗi giai đoạn quá trình định tội danh mang tính chất và những đặc điểm khác nhau. Do vậy, khái niệm định tội danh hiện có những quan điểm và cách hiểu rất khác nhau. Mặc

dù vậy, tất cả đều có sự thống nhất với nhau ở việc thừa nhận định tội danh là hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền, một hoạt động nhằm xác định sự phù hợp giữa hành vi mà người phạm tội thực hiện với các quy định của pháp luật hình sự để thông qua đó có cách thức xử lý cho phù hợp (quy định mức trách nhiệm pháp lý tương xứng với hành vi mà người phạm tội đã thực hiện).

Vậy hiểu thế nào là định tội danh? Theo Giáo sư Võ Khánh Vinh “*Định tội danh là một dạng hoạt động nhận thức, hoạt động áp dụng pháp luật hình sự nhằm đi tới chân lý khách quan trên cơ sở xác định đúng đắn, đầy đủ các tình tiết cụ thể của hành vi phạm tội được thực hiện, nhận thức đúng nội dung quy phạm pháp luật hình sự quy định cấu thành tội phạm tương ứng và mối liên hệ tương đồng giữa các dấu hiệu của cấu thành tội phạm với các tình tiết cụ thể của hành vi phạm tội bằng các phương pháp và thông qua các giai đoạn nhất định*”[50, tr.9]. Định tội danh là một quá trình đối chiếu các tình tiết thực tế của vụ án với các dấu hiệu của yếu tố cấu thành tội phạm, từ đó xác định hành vi phạm tội đó thuộc tội phạm cụ thể nào.

Xuất phát từ cách nhìn nhận, đánh giá ở góc độ cá nhân nhận thấy: *Định tội danh là quá trình nhận thức lý luận có tính logic, là dạng của hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự cũng như pháp luật tố tụng hình sự của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, được tiến hành trên cơ sở các chứng cứ, các tài liệu thu thập được và các tình tiết thực tế của vụ án hình sự để xác định sự phù hợp giữa các dấu hiệu của hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm tương ứng do luật hình sự quy định, để giải quyết vụ án hình sự bằng việc ra văn bản áp dụng pháp luật (văn bản tố tụng hình sự).*

Để định tội danh đúng cần tuân thủ một số điều kiện cần thiết:

Thứ nhất, phải xác định được nhóm quan hệ xã hội cùng tính chất mà tội phạm xâm hại, tức là xác định được khách thể loại của tội phạm. Xác định

khách thể loại của tội phạm cho phép làm sáng tỏ những nét chung nhất về tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi đã thực hiện, là cơ sở cho việc định hướng cho việc trả lời câu hỏi: cần phải tìm quy phạm thuộc chương nào trong phần các tội phạm để áp dụng cho hành vi đã thực hiện. Mặt khác, phải xác định được khách thể trực tiếp của tội phạm, đây là cơ sở để lựa chọn quy phạm cụ thể từ trong số các quy phạm thuộc cùng khách thể loại để áp dụng.

Thứ hai, phải xác định chính xác các dấu hiệu của hành vi đã được thực hiện và mức độ thỏa mãn các dấu hiệu được nêu ra trong quy phạm sẽ áp dụng thuộc phần các tội phạm của BLHS. Nghĩa là các dấu hiệu của hành vi phải được xác lập một cách có căn cứ trên cơ sở các chứng cứ khách quan, dấu hiệu của hành vi xảy ra trong thực tế tương đồng với tất cả các dấu hiệu của hành vi mô tả trong luật, thể hiện sự đồng nhất giữa hành vi đã thực hiện với hành vi mô tả trong luật hình sự.

Thứ ba, định tội danh đúng đòi hỏi phải căn cứ vào các dấu hiệu của cấu thành tội phạm được quy định trong các điều khoản cụ thể của phần các tội phạm rồi đối chiếu với các dấu hiệu của hành vi đã thực hiện, qua đó xác định tội phạm đã thực hiện ở giai đoạn nào, có đồng phạm hay không...

Việc định tội danh đúng có ý nghĩa chính trị - xã hội, đạo đức và pháp luật rất lớn. Đạo luật hình sự thể hiện ý chí về mặt Nhà nước của nhân dân ta đối với vấn đề đấu tranh với tình hình tội phạm. Việc tuân thủ nghiêm chỉnh đạo luật hình sự trong khi định tội danh là điều kiện cần thiết và quan trọng của việc thực hiện chính sách của Nhà nước nhằm khắc phục tình hình tội phạm ở nước ta. Do vậy, việc định tội danh đúng là việc biểu hiện của việc thực hiện đúng biện pháp chính trị, thực thi đúng ý chí của dân đã được thể hiện trong luật, bảo vệ có hiệu quả các lợi ích của xã hội, của Nhà nước và công dân, là sự thực hiện đúng các nguyên tắc của luật hình sự.

2.1.2 Khái niệm và các đặc điểm của định tội danh đối với tội giết người

Khái niệm định tội danh nêu trên là chỉ việc định tội danh trong hoạt động tố tụng nói chung, mang ý nghĩa khoa học áp dụng cho toàn bộ các loại tội phạm. Còn đối với việc định tội danh tội giết người là một hoạt động tố tụng cụ thể của các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng thực hiện, mang ý nghĩa thực tiễn rất quan trọng. Như vậy, dưới góc độ khoa học luật hình sự Việt Nam, theo tác giả khái niệm định tội danh đối với tội giết người được định nghĩa như sau: *Định tội danh đối với tội giết người là một trong những dạng hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền theo quy định pháp luật để xem xét, đánh giá, phân tích một hành vi phạm tội có thỏa mãn những dấu hiệu của cấu thành tội giết người hay không, nếu đúng thì nó thuộc điểm, khoản nào của Điều 93 BLHS luật hình sự và đưa ra kết luận bằng một văn bản pháp luật.*

Từ khái niệm đã nêu, theo tác giả, việc định tội danh đối với tội giết người ngoài có những đặc điểm chung của việc định tội danh, nó còn phản ánh đặc điểm cơ bản riêng như sau:

Thứ nhất, định tội danh đối với tội giết người là một trong những dạng của hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự;

Thứ hai, hoạt động thực tiễn này do các cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền - Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án theo quy định và trình tự của pháp luật thực hiện và trong bản án của Tòa án, tội danh mang giá trị cao nhất - chính thức;

Thứ ba, định tội danh đối với tội giết người được tiến hành bằng cách - trên cơ sở các chứng cứ, các tài liệu thu thập được và các tình tiết khách quan của vụ án hình sự (vụ án giết người) để đối chiếu, so sánh và kiểm tra để xác định sự phù hợp giữa các dấu hiệu của hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm quy định tại Điều 93 BLHS;

Thứ tư, căn cứ pháp lý của việc định tội danh đối với tội giết người chính là BLHS (Điều 93) và các văn bản hướng dẫn thi hành. Căn cứ khoa học của việc định tội danh đối với tội giết người chính là cấu thành tội phạm này;

Thứ năm, kết quả của quá trình định tội danh đối với tội giết người thể hiện thông qua một văn bản áp dụng pháp luật và bởi cơ quan, chủ thể có thẩm quyền do pháp luật quy định;

Thứ sáu, từ văn bản áp dụng pháp luật đó, sẽ phát sinh các hậu quả mà người phạm tội phải gánh chịu.

Việc định tội danh đúng đối với tội giết người mang lại những ý nghĩa nhất định sau:

- Trên cơ sở của việc xác định đúng tội phạm, chính xác về hành vi của người phạm tội, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có thể quyết định một hình phạt đúng đắn, chính xác, tương xứng với hành vi mà người phạm tội đã thực hiện.

- Định tội danh đúng đảm bảo việc xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, loại trừ việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và kết án oan sai, vô căn cứ đối với những người có hành vi không nguy hiểm cho xã hội, không trái pháp luật hình sự và tạo tiền đề pháp lý cho việc quyết định hình phạt công bằng đối với những người phạm tội.

- Định tội danh đúng còn là cơ sở để áp dụng chính xác các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thời hạn điều tra, việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, đảm bảo quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo và việc ra các quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng đảm bảo có căn cứ và đúng pháp luật, sẽ góp phần đắc lực vào việc bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

- Định tội danh đúng thể hiện hoạt động có hiệu quả, ý thức tuân thủ pháp luật triệt để cũng như ý thức trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp

của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng, từ đó góp phần nâng cao uy tín, chất lượng hoạt động của các cơ quan này cũng như hỗ trợ cho việc củng cố và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

2.2 Thực trạng định tội danh đối với tội giết người của Tòa án cấp sơ thẩm tỉnh Bình Định

2.2.1 Khái quát thực trạng xét xử các vụ án về tội giết người trên địa bàn tỉnh Bình Định trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015

Pháp luật Việt Nam ghi nhận và bảo vệ quyền sống của con người, bằng việc quy định những hành vi xâm phạm nghiêm trọng quyền được sống, được tồn tại của con người là tội phạm và quy định các loại hình phạt tương ứng với hành vi đó. Trong thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm trong những năm qua, trên cả nước tình hình phạm tội giết người diễn biến phức tạp và có xu hướng gia tăng. Bình Định là một trong những tỉnh trọng điểm về kinh tế, văn hóa, xã hội ... của vùng duyên hải miền Trung. Vì vậy, vấn đề an ninh trật tự nói chung, tình hình tội phạm, trong đó có tội giết người nói riêng cũng là một trong những vấn đề phức tạp được sự quan tâm hàng đầu của tỉnh. Đặc biệt là các cơ quan bảo vệ pháp luật của tỉnh đã triển khai nhiều biện pháp để phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Một trong những biện pháp mà các cơ quan bảo vệ pháp luật của tỉnh tăng cường triển khai thực hiện là điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự, nhất là các vụ án về tội giết người.

Bảng 2.1: Thống kê tình hình thụ lý xét xử số vụ án giết người trên địa bàn tỉnh Bình Định so với số vụ án giết người trên toàn quốc

Năm	Bình Định		Toàn quốc		Tỷ lệ án giết người ở Bình Định so với toàn quốc (%)	
	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo
2011	15	18	1871	3233	0.8	0.56
2012	13	13	1688	2881	0.77	0.45
2013	15	16	1747	3060	0.86	0.52
2014	19	21	1410	2586	1.35	0.81
2015	22	26	1219	2329	1.80	1.12
Tổng	84	94	7935	14089	1.06	0.67

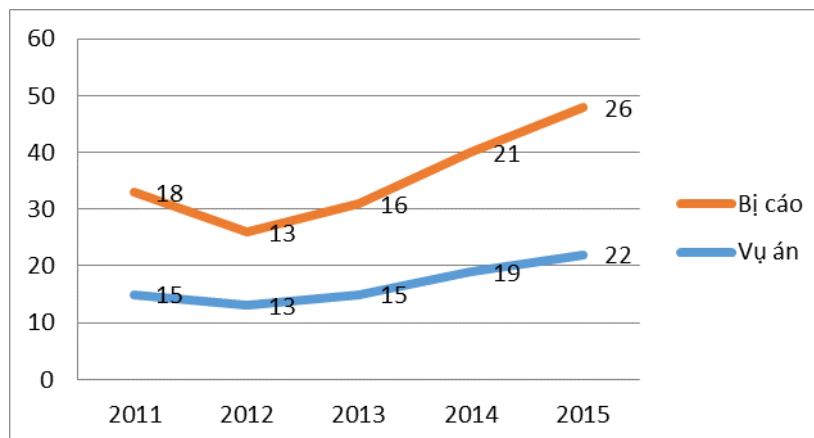
(Nguồn: Thống kê của VKSND tối cao và VKSND tỉnh Bình Định)

Bảng 2.2: Thống kê tình hình thụ lý xét xử sơ thẩm tội giết người so với tổng số vụ án hình sự xét xử sơ thẩm trên địa bàn tỉnh Bình Định

Năm	Tổng số vụ án giết người đã xét xử		Tổng số án hình sự các loại đã xét xử		Tỷ lệ (%)	
	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo
2011	15	18	1308	1521	1.15	1.18
2012	13	13	1293	1487	1.00	0.87
2013	15	16	1405	1610	1.07	0.99
2014	19	21	1237	1429	1.54	1.47
2015	22	26	1218	1362	1.81	1.91
Tổng	84	94	6461	7409	1.30	1.27

(Nguồn: Thống kê số liệu tội phạm của VKSND tỉnh Bình Định)

Biểu đồ 2.1: Tình hình tội phạm giết người và số bị cáo liên quan đến tội giết người có chiều hướng tăng dần



(Nguồn: Thống kê số liệu tội phạm của VKSND tỉnh Bình Định)

Thông qua các số liệu thống kê, ta có thể thấy tỷ lệ tội giết người tại tỉnh Bình Định so với toàn quốc là ở mức trung bình nhưng đang có chiều hướng tăng dần qua các năm, đa phần năm sau đều cao hơn năm trước (bảng số 2.1 và 2.2). Điều này cho thấy công tác phòng, chống tội giết người gặp nhiều khó khăn và hạn chế nhất định.

Theo số liệu thống kê của Phòng Thống kê tội phạm VKSND tỉnh Bình Định, trong 05 năm qua (từ năm 2011 đến năm 2015), trên địa bàn cả nước đã thụ lý xét xử 7935 vụ án giết người, trong đó tỉnh Bình Định có 84 vụ án giết người. Năm 2015 có tỷ lệ số vụ án giết người so với toàn quốc là cao nhất với tỷ lệ 1,80% và thấp nhất là năm 2012 với tỷ lệ 0,77%, tỷ lệ bình quân là 1,06%. Thêm vào đó, nếu tính trên tổng số vụ án giết người trên địa bàn tỉnh Bình Định thì số vụ án giết người cũng tăng qua hằng năm. Cùng với số vụ án giết người tăng thì tỷ lệ số bị cáo đã xét xử so với toàn quốc và số bị cáo đã xét xử tại tỉnh Bình Định cũng có chiều hướng gia tăng. Tỷ lệ số bị cáo cao nhất là 1.12% vào năm 2015 và thấp nhất là 0,45% vào năm 2012, tỷ lệ trung bình là 0.62%.

Số vụ án hình sự mà hai cấp thụ lý xét xử theo trình tự thủ tục sơ thẩm là 6461 vụ với 7409 bị cáo, bình quân mỗi năm Tòa án thụ lý trên 1292 vụ án hình sự các loại với trên 1481 bị cáo. Trong đó, số vụ án giết người đã thụ lý là 84 vụ (năm chiếm tỷ lệ cao nhất là năm 2015 với tỷ lệ 1,81%) và 94 bị cáo (năm 2015 chiếm tỷ lệ cao nhất là 1,91%), bình quân mỗi năm xét xử trên 16 vụ án với hơn 18 bị cáo. Tỷ lệ số vụ án và số bị cáo thụ lý về tội giết người bình quân hằng năm chiếm 1.30% và 1,27% so với tổng số vụ án và bị cáo đã thụ lý xét xử trong toàn tỉnh.

Đa số các vụ giết người xuất phát do mâu thuẫn trong nội bộ gia đình, lối sống bạo lực ích kỉ, háms lợi, coi thường mạng sống người khác... Qua thực tiễn xét xử, có không ít đối tượng gây án ở vào độ tuổi học đường nhưng không đi học mà tụ tập thành nhóm. Đa số tội phạm học đường thường là đồng phạm, phạm tội theo nhóm, trong nhóm có kẻ cầm đầu. Đáng lưu ý trong các vụ án giết người này, nhiều vụ án các bị can lôi kéo, rủ rê nhau đi đánh người nhưng không bàn bạc cụ thể giết người hoặc một số đối tượng là người chưa thành niên khi thấy bạn bè rủ đi đánh nhau cùng hòa theo, nhưng chỉ có một hoặc một số đối tượng có hành vi đâm chét người. Quá trình xử lý những vụ án giết người có nhiều người tham gia nhưng lỗi của người phạm tội lại khác nhau như: Có người phạm tội do lỗi cố ý gián tiếp hoặc phạm tội cố ý trực tiếp, có vụ hậu quả chét người, có vụ hậu quả gây thương tích, nên dẫn đến việc định tội danh, xác định đồng phạm và cá thể hóa TNHS gặp nhiều bất cập. Theo số liệu thống kê, các án giết người được xét xử theo quy định tại các điểm a, b, n, ... khoản 1 hay khoản 2 Điều 93. Chưa gặp trường hợp xử lí theo quy định tại điểm h (để lấy bộ phận cơ thể nạn nhân) và điểm m (thuê giết người hoặc giết người thuê) khoản 1 Điều 93.

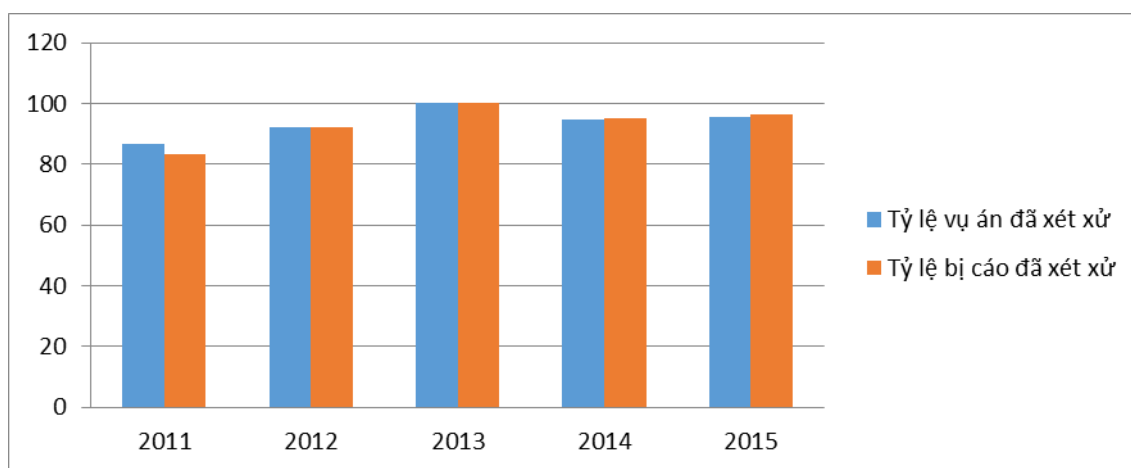
- Về chất lượng xét xử sơ thẩm tội giết người trên địa bàn tỉnh Bình Định trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2015.

Bảng 2.3: Tình hình giải quyết, xét xử sơ thẩm tội giết người trên địa bàn tỉnh Bình Định

Năm	Thụ lý		Giải quyết (Xét xử)		Tỷ lệ (%)	
	Số vụ	Bị cáo	Số vụ	Bị cáo	Số vụ	Bị cáo
2011	15	18	13	15	86.7	83.3
2012	13	13	12	12	92.3	92.3
2013	15	16	15	16	100	100
2014	19	21	18	20	94.7	95.2
2015	22	26	21	25	95.5	96.2
Tổng	84	94	79	88	94.0	93.6

(Nguồn: Thống kê số liệu của VKSND tỉnh Bình Định)

Biểu đồ 2.2: Tỷ lệ vụ án với tỷ lệ bị cáo đã được xét xử



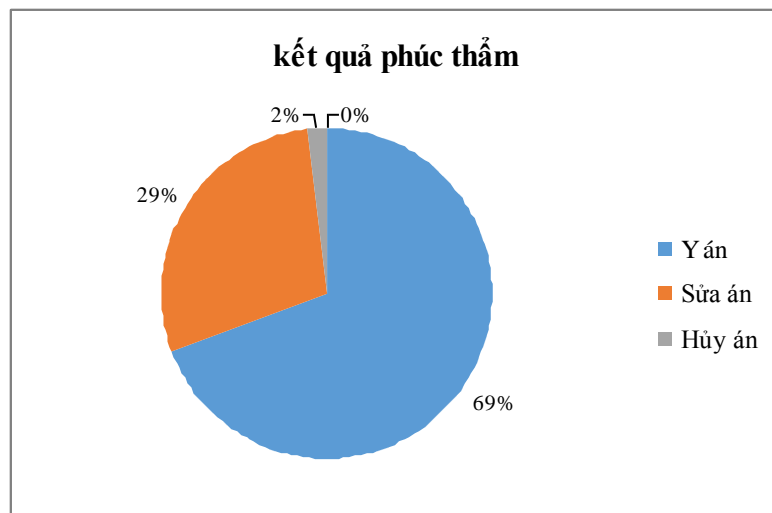
(Nguồn: Thống kê số liệu của VKSND tỉnh Bình Định)

Bảng 2.4: Kết quả xét xử phúc thẩm tội giết người trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Năm	Tổng số vụ án giết người	Số vụ án có kháng cáo, kháng nghị	Kết quả giải quyết		
			Y án	Sửa án	Hủy án
2011	13	9	6	3	
2012	12	7	5	2	
2013	15	11	8	3	
2014	18	13	8	4	
2015	21	15	10	4	1
Tổng	79	55	38	16	1

(Nguồn: thống kê số liệu của Viện KSND tỉnh Bình Định)

Biểu đồ 2.3: Kết quả xét xử phúc thẩm tội giết người trên địa bàn tỉnh Bình Định.



(Nguồn: Thống kê số liệu của VKSND tỉnh Bình Định)

Phân tích từ số liệu trên chúng ta thấy: trong vòng 05 năm từ năm 2011 đến năm 2015, tổng số vụ án giết người đã xét xử theo thủ tục phúc thẩm là 55 vụ.

Kết quả xét xử: đình chỉ xét xử 01 vụ (chiếm tỷ lệ 1,8%); y án sơ thẩm 38 vụ (chiếm tỷ lệ 69,1%); sửa án sơ thẩm 16 vụ (chiếm tỷ lệ 29,1%) so với số vụ án đã được xét xử phúc thẩm. Như vậy, có thể nói công tác xét xử sơ thẩm các vụ án giết người trên địa bàn tỉnh Bình Định trong 5 năm qua chất lượng chưa cao vì tỷ lệ án bị sửa còn chiếm tỷ lệ cao (29,1 % số vụ án đã bị sửa ở cấp phúc thẩm trong tổng số vụ án giết người được xét xử ở cấp phúc thẩm). Tuy nhiên, nếu xét về tổng thể thì số lượng án giết người sơ thẩm y án ở cấp phúc thẩm vẫn chiếm tỉ lệ cao so với án bị hủy, bị sửa (bảng 2.4 và biểu đồ 2.3). Kết quả trên cho thấy sự nỗ lực rất lớn của các cơ quan tiến hành tố tụng của tỉnh Bình Định trong công tác định tội danh đối với tội giết người.

Mặc dù cơ quan tiến hành tố tụng nắm được những đề lý luận về định tội danh đối với tội giết người và thực hiện tương đối tốt hoạt động này, nhưng qua nghiên cứu thực tiễn nhận thấy nhiều trường hợp hành vi phạm vào tội này, nhưng cơ quan có thẩm quyền lại khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử người phạm tội về tội khác hoặc hành vi không phạm tội lại bị coi là tội phạm hoặc ngược lại vẫn còn xảy ra. Thực trạng trên gây ra nhiều hệ lụy nghiêm trọng, tác động rất xấu đến trật tự an toàn xã hội, nó đã bị dư luận lên án. Các cơ quan chức năng trong thực tiễn cũng rất quan tâm, đưa ra nhiều biện pháp khắc phục tình trạng này, nhưng nó vẫn chưa chấm dứt và nhiều lúc diễn biến rất phức tạp, gây sự hoài nghi về trình độ, năng lực, sự khác quan, thận trọng và công tâm trong sử dụng quyền lực Nhà nước của các cá nhân tiến hành tố tụng. Thực trạng ấy là vật cản của quá trình nâng tầm nền tư pháp của nước ta với thế giới hiện đại. Vì vậy, việc nghiên cứu, làm rõ thực trạng định tội danh đối với tội giết người thông qua các vụ án cụ thể là vấn đề cần thiết để có sự đánh giá toàn diện và chính xác, qua đó rút ra được những nguyên nhân và tìm những giải pháp khắc phục.

2.2.2 Thực trạng định tội danh đối với tội giết người theo cấu thành tội phạm cơ bản

Như đã phân tích, định tội danh đối với tội giết người là quá trình nhận thức lý luận, là dạng của hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự cũng như pháp luật tố tụng hình sự của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, được tiến hành trên cơ sở các chứng cứ, các tài liệu thu thập được và các tình tiết thực tế của vụ án hình sự để xác định sự phù hợp giữa các dấu hiệu của hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm tương ứng do luật hình sự quy định, để giải quyết vụ án hình sự. Để xác định một hành vi nguy hiểm diễn ra trên thực tế đã phạm vào tội giết người, thì cơ quan, người có thẩm quyền phải trả lời hành vi ấy có thỏa mãn các dấu hiệu của cấu thành tội phạm quy định tại Điều 93 BLHS hay không.

Nhìn chung, việc định tội danh trên phạm vi cả nước cũng như trên địa bàn tỉnh Bình Định trong thời gian qua đã có nhiều chuyển biến tích cực, nhưng vẫn còn sai sót. Nguyên nhân chủ yếu là do thiếu sót trong đánh giá chứng cứ, không hiểu đúng các quy định của BLHS dẫn đến định tội danh sai. Mặc dù số vụ định tội danh sai chiếm tỷ lệ không nhiều so với tổng số vụ án và tổng số bị cáo đưa ra xét xử, nhưng hậu quả của việc sai là rất lớn, không những ảnh hưởng đến uy tín của các cơ quan tiến hành tố tụng, mà quan trọng hơn nó còn ảnh hưởng đến uy tín của Đảng và Nhà nước ta, làm giảm sút lòng tin của nhân dân vào hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp.

Qua xem xét, nghiên cứu thực tiễn định tội danh về tội giết người trên địa bàn tỉnh Bình Định trong 05 năm từ năm 2011 đến 2015, chỉ có 01 vụ bị cấp phúc thẩm hủy do sai tội danh. Bên cạnh đó cũng có nhiều vụ có những khó khăn, vướng mắc nhất định trong việc định tội danh dẫn đến quan điểm về định tội danh giữa các cơ quan tiến tụng mà nhất là Viện kiểm sát, Tòa án

cấp huyện và Viện Kiểm sát, Tòa án cấp tỉnh có sự khác nhau về định tội danh theo cấu thành cơ bản. Những vướng mắc này chủ yếu phát sinh đối với những vụ án mà hành vi phạm tội của bị can, không thể hiện một cách đặc trưng, rõ ràng các yếu tố cấu thành tội phạm. Hành vi của người phạm tội có dấu hiệu của tội phạm khác nhau như: giết người, cố ý gây thương tích, giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh...

Dưới đây là một số vụ án điển hình về việc định tội danh sai theo cấu thành cơ bản thường gặp trong thực tiễn tại tỉnh Bình Định:

**** Vụ án thứ nhất***

Khoảng 18h30' ngày 12/02/2015, sau khi đã uống nhiều rượu, Trần Văn Hùng điều khiển xe mô tô BKS 77H1-038.03 chạy trên tuyến đường ĐT 629 (đoạn một chiều), khi gần đến vòng xuyên trên đầu cầu Sông Vó, Hùng điều khiển xe chạy gần với một xe mô tô chạy cùng chiều BKS 77N6-0677 do chị Đinh Thị Đa điều khiển chở theo con gái Bùi Thị Diễm Kiều. Thấy Hùng chạy xe gần với xe của vợ, Bùi Lê Tín đang điều khiển xe mô tô BKS 77F5-9134 đi phía sau liền chạy vượt lên ngang xe Hùng nói “Đ. má, sao mà đi ép đàn bà con gái”. Sau đó, giữa Hùng và Tín có những lời nói qua lại, Hùng chạy xe vượt lên cách xe của Tín khoảng 2-3m thì dùng chặn đầu xe Tín lại. Vừa bước xuống xe Hùng đưa tay trái vào túi quần lấy dao ra và bật lưỡi ra khỏi cán (loại dao bấm lưỡi gập vào trong cán dao, cán bằng kim loại màu đen dài khoảng 10 cm, lưỡi dao dài khoảng 7-8cm mũi nhọn), Hùng cầm dao ở tay trái lưỡi dao hướng ra sau và tiến lại chỗ Tín. Thấy Hùng chặn xe, Tín cũng dừng và xuống xe tiến lại đối diện với Hùng, khi hai người đứng đối mặt cách nhau khoảng 70-80 cm Hùng vung tay trái đang cầm dao lên đâm liên tục vào người Tín theo hướng từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, do bị đâm bất ngờ Tín đưa tay trái lên đỡ nên lưỡi dao đã đâm trúng 03 nhát vào mặt

trước và mặt trong tay trái, vết thương đứt động mạch chảy nhiều máu nên Tín khụy xuống đường. Thấy chồng bị đâm, Đa dừng xe chạy đến với ý định kéo Hùng ra. Lúc này, Hùng quay người lại thấy Đa đứng đối diện, Hùng vung tay trái lên đâm từ trên xuống trúng vào 1/3 vùng trong vai phải của Đa làm Đa ngã xuống tại chỗ, Hùng cầm dao trên tay tiếp tục điều khiển xe mô tô về nhà, Tín và Đa được mọi người đưa đi cấp cứu.

Theo Kết luận giám định pháp y về thương tích số 40/2015/PY-TgT ngày 09/03/2015 và kết luận số 60/2015/PY-TgT ngày 06/04/2015 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Định xác định Bùi Lê Tín bị tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 10%, Đinh Thị Đa bị tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 97%.

Viện KSND huyện A đã truy tố Trần Văn Hùng về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 BLHS. Tại phiên tòa, TAND huyện A đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung với lý do có căn cứ cho rằng bị cáo phạm tội khác.

Ngày 08/11/2015, CQĐT Công an huyện A ra Quyết định khởi tố bị can bổ sung đối với Trần Văn Hùng về tội “Giết người” quy định tại Điều 93 BLHS và chuyển cho CQĐT Công an tỉnh xử lý theo thẩm quyền.

Theo quan điểm của tác giả, việc VKSND huyện A truy tố Trần Văn Hùng về tội “Cố ý gây thương tích” là chưa phù hợp. Bởi lẽ, Hùng đã dùng dao là hung khí nguy hiểm đâm nhanh và mạnh 03 nhát trúng vào tay anh Bùi Lê Tín đứng đối diện gây tỷ lệ tổn thương cơ thể 10%. Sau khi đâm anh Tín, Hùng quay ra thì thấy chị Đa và dùng dao là hung khí nguy hiểm đâm 01 nhát trúng vào 1/3 vùng vai trong bên phải, vùng bị đâm này có thể trúng phổi, động mạch ở cổ nhiều khả năng gây hậu quả chết người. Kết quả chị Đa không chết mà bị liệt $\frac{3}{4}$ cơ thể với tỷ lệ thương tật 97% là do yếu tố khách quan. Do đó, hành vi của Hùng đã đủ yếu tố cấu thành 2 tội “Cố ý gây thương

tích” theo quy định tại khoản 1 Điều 104 BLHS và tội “Giết người” theo quy định tại khoản 2 Điều 93 BLHS.

****Vụ án thứ hai***

Khoảng 18 giờ 30’ ngày 04/8/2014, tại công trình xây dựng nhà riêng của anh Hoàng Nhật Sơn, công nhân đội xây dựng gồm: Phạm Thái Bình, Phạm Bá Nghi (anh trai Phạm Bá Nguyên), Phạm Bá Lân, Đoàn Anh Sơn, Trần Anh Đức và Phạm Bá Nguyên tổ chức uống rượu. Uống được một lúc, Lân và Bình đi chơi, đến khoảng 20 giờ thì quay về. Bình nói: “dọn cơm ăn bay” thì Nguyên nói lại: “ai ăn thì dọn mà ăn, đây ăn tô rồi”. Khi Bình, Đức và Lân dọn cơm ăn thì Nguyên bung tô đến ngồi ăn cùng. Thấy vậy, Bình nói với Nguyên: “Mày cút đi chỗ khác mà ăn”. Nghe Bình nói vậy, Nghi nói với Nguyên: “Mày ngồi đó mà ăn sợ chi thằng đó”. Bình đến chỗ Nghi nói: “Mi con cháu mà láo” rồi cả hai xô nhau ra phía bếp làm Nghi bị ngã. Nguyên thấy Bình và Nghi xô đẩy nhau liền chạy đến dùng tô cơm đang cầm trên tay đánh vào đầu Bình, làm tô sứ bị vỡ, rồi dùng mảnh vỡ tô còn lại trên tay đánh 02 cái vào má và vào cổ bên phải Bình. Hậu quả: Phạm Thái Bình bị 01 vết thương ở cổ dài 15cm đứt tĩnh mạch cảnh, đứt cơ vùng cổ, vết thương má bên phải dài 8cm.

Ngày 30/12/2014, CQĐT Công an tỉnh Bình Định quyết định trưng cầu giám định tỷ lệ tổn hại sức khỏe đối với anh Phạm Thái Bình, nhưng anh Bình từ chối giám định và có đơn xin bãi nại cho Phạm Bá Nguyên.

Tại Cáo trạng số 19/QĐ-KSĐT ngày 12/4/2015 của VKSND tỉnh Bình Định đã truy tố bị can Phạm Bá Nguyên về tội “Giết người” theo khoản 2 Điều 93 BLHS.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 23/2015/HSST, TAND tỉnh Bình Định, quyết định: “Áp dụng khoản 2 Điều 93; điểm b khoản 1, 2 Điều 46; điểm d

khoản 1 Điều 48 BLHS, xử phạt bị cáo Phạm Bá Nguyên 07 năm tù, về tội “Giết người”.

Ngày 27/9/2015, TAND cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Bá Nguyên khai: Bị cáo là người gây ra 03 vết thương trên đầu, má và cổ của bị hại Phạm Thái Bình, nhưng bị cáo không có ý tước đoạt tính mạng của anh Bình. Bị cáo nhất thời không kiềm chế được, do bức tức câu nói và hành vi của anh Bình tấn công anh trai của bị cáo nên bị cáo đã dùng tô bằng sứ đập vào đầu anh Bình. Khi tô vỡ, bị cáo cầm mảnh vỡ trên tay quơ bừa về phía anh Bình chứ không chủ ý nhằm vào đầu. Giữa anh em bị cáo và người bị hại không có mâu thuẫn, thù oán gì. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại Phạm Thái Bình ngày 17/11/2014: “Tôi nghĩ là không có vấn đề gì mang ẩn ý thâm thù gì mà chỉ có sau khi mỗi người đều có uống một ít rượu rồi hiểu nhầm trong cách phát ngôn mà sinh ra bất hòa đột xuất rồi không kiềm chế mà gây ra hậu quả như thế, chứ tôi nhận thấy tổng quan sự việc thì việc anh Nguyên gây cho tôi cũng không cố ý làm hại đến tính mạng của tôi mà chỉ do đột xuất không kiềm chế hành động mà thôi”, phù hợp với việc bị hại Phạm Thái Bình từ chối giám định mức độ tổn hại sức khỏe và có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Do đó, TAND cấp cao đã hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại.

Xét thấy, Viện kiểm sát truy tố và TAND tỉnh Bình Định cũng xét xử bị cáo về tội “Giết người” là chưa đủ căn cứ và chưa phù hợp. Bởi lẽ, bị cáo Nguyên khi thực hiện hành vi phạm tội không có ý định tước đoạt tính mạng của anh Bình, chỉ vì bức tức câu nói và hành vi của anh Bình tấn công anh trai nên Nguyên đã dùng tô bằng sứ đập vào đầu anh Bình. Khi tô vỡ, Nguyên cầm mảnh vỡ trên tay quơ bừa về phía anh Bình chứ không chủ ý nhằm vào đầu nên hậu quả xảy ra đến đâu thì Nguyên phải chịu trách nhiệm hình sự đến

đó. Do đó, hành vi của Nguyên chỉ cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại Điều 104 BLHS.

2.2.3 Thực trạng định tội danh đối với tội giết người theo cấu thành tội phạm tăng nặng

Theo thống kê kết quả xét xử phúc thẩm (bảng số 2.4) thì tại tỉnh Bình Định, đối với tội giết người không có án xét xử theo trình tự Giám đốc thẩm hoặc Tái thẩm, có 16 vụ sửa án sơ thẩm với nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có nguyên nhân do xác định sai tình tiết định khung theo cấu thành tăng nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 93 BLHS năm 1999.

Ngoài một số trường hợp xác định sai tội danh theo cấu thành cơ bản như đã nêu trên, thì vẫn còn xảy ra những trường hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong một số vụ án giết người cũng còn có những quan điểm khác nhau về xác định tình tiết định khung tăng nặng. Việc định tội danh theo cấu thành tăng nặng không đúng dẫn đến không đạt được mục đích khi quyết định hình phạt. Qua thực tiễn tại tỉnh Bình Định cho thấy việc áp dụng các tình tiết định khung tăng nặng không chính xác đối với tội giết người thường tập trung vào tình tiết định khung tăng nặng “có tính chất côn đồ”.

*** Vụ án điển hình**

Khoảng 23 giờ ngày 27/4/2015, sau khi đi chơi điện tử, trên đường về nhà, khi đi đến ngã ba đường Trần Hưng Đạo - Lê Thánh Tôn thì Phan Nguyễn Thế Bảo thấy trên vỉa hè có một nhóm thanh niên đang chơi bầu cua, nên ghé vào xem. Tại đây, có Phan Đình Lý (cha của Bảo) cũng đang đứng xem. Lúc này, Nguyễn Tĩnh đang ngồi xóc bầu cua, khi thấy ông Lý thì Tĩnh nói: “ông mà đặt xuống là tôi chở ông ra Cầu đen”; ông Lý không nói gì và bỏ đi. Bảo nghe Tĩnh nói vậy với cha mình, nên hỏi lại Tĩnh: “chở ra Cầu đen chi vậy anh” thì Tĩnh đứng dậy nói với Bảo “mày nhỏ nói gì mày” rồi dùng tay đánh một cái vào mặt Bảo. Bị đánh nên Bảo bỏ chạy, thì Nguyễn Tĩnh tiếp

tục đuổi theo để đánh. Thấy vậy, Nguyễn Mạnh Cường (bạn của Tĩnh) và Phan Đình Lý thấy Tĩnh đuổi đánh con mình nên cũng chạy theo để can ngăn. Khi đuổi được một đoạn thì Tĩnh theo kịp và dùng chân đạp vào lưng làm Bảo ngã xuống đường. (Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể lúc 04h00 ngày 28/4/2015 thấy Bảo có nhiều vết trầy xước, rách da, chảy máu tại vùng cánh tay, bàn tay trái và các vết bầm da tại xương đòn hai vai). Bảo đứng dậy chạy tiếp, thì Tĩnh tiếp tục đuổi theo. Khi đang chạy thì Bảo thấy một phụ nữ đang đẩy xe bán trái cây đi ngược chiều, trên xe để 01 con dao Thái lan (kích thước dài 21,5 cm, phần lưỡi dài 11,5 cm, chỗ rộng nhất 02 cm) Bảo liền chụp lấy dao rồi không bỏ chạy nữa mà quay người lại. Và lúc này, Tĩnh xông đến dùng tay đánh Bảo. Bảo né được và dùng dao đâm một nhát trúng vào ngực bên trái của Tĩnh. Lúc này, Nguyễn Mạnh Cường cũng vừa chạy đến; Bảo nghĩ Cường đến tấn công mình, nên dùng dao đâm một nhát trúng vào tay phải của Cường. Còn Nguyễn Tĩnh, sau khi bị đâm đã ôm ngực chạy một đoạn khoảng hơn 02 mét rồi ngã xuống đường. Nguyễn Tĩnh được đưa đến Bệnh viện Đa khoa thành phố Quy Nhơn, nhưng do vết thương quá nặng, nên đã tử vong trên đường đi cấp cứu.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 133/2015/PY, ngày 05/5/2015 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bình Định kết luận Nguyễn Tĩnh bị “*vết thương thấu ngực trái gây thủng phổi, tràn máu, tràn khí màng phổi gây suy hô hấp dẫn đến tử vong*”.

Cáo trạng số 39 ngày 10/8/2015, VKSND tỉnh Bình Định đã truy tố Phan Nguyễn Thế Bảo về tội “Giết người” theo khoản 2 Điều 93 BLHS.

Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2014/HSST ngày 30/9/2015 của TAND tỉnh Bình Định đã áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 BLHS để xét xử bị cáo Phan Nguyễn Thế Bảo về tội “Giết người” với tình tiết “phạm tội có tính chất côn đồ”; tuyên phạt bị cáo mức án 8 năm tù.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 69/2015/HSPT ngày 27/2015 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng đã chấp nhận kháng nghị của VKSND tỉnh Bình Định, xử phạt bị cáo Phan Nguyễn Thế Bảo 7 năm 6 tháng tù về tội “Giết người” theo khoản 2 Điều 93 BLHS.

Theo quan điểm của tác giả việc TAND cấp cao đã xử phạt bị cáo Phan Nguyễn Thế Bảo 7 năm 6 tháng tù về tội “Giết người” theo khoản 2 Điều 93 BLHS là có căn cứ và đúng pháp luật và phù hợp với hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Bởi lẽ: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không có ý định gây tổn hại đến tính mạng, sức khỏe cho bất kỳ ai. Bị cáo phạm tội trong trường hợp bị nạn nhân là anh Nguyễn Tĩnh đã vô cớ, chủ động gây sự với cha của bị cáo và chủ động tấn công (đánh vào mặt) bị cáo. Mặc dù bị đánh vô cớ nhưng bị cáo không chống trả mà bỏ chạy, nhưng nạn nhân vẫn truy đuổi để đánh. Khi đuổi kịp, nạn nhân đã dùng chân đạp ngã bị cáo từ sau lưng (gây ra thương tích cho bị cáo như đã nêu trên). Bị cáo đã gượng đứng dậy tiếp tục bỏ chạy thì nạn nhân vẫn đuổi theo để đánh tiếp. Và trong lúc chạy, bị cáo đã chụp được con dao của người bán hàng dạo đi trên đường, quay người lại thì thấy nạn nhân đang xông vào đánh; bị cáo tránh được cú đánh và dùng dao đâm một nhát vào người nạn nhân. Đây cũng là vết thương duy nhất tại vùng ngực gây ra cái chết cho nạn nhân Nguyễn Tĩnh. Diễn biến sự việc phạm tội như trên chứng minh bị cáo không còn đồ như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và áp dụng.

2.2.4 Một số tồn tại, hạn chế của việc định tội danh đối với tội giết người

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, quá trình định tội danh đối với tội phạm giết người còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế sau:

Thứ nhất, một số vụ án không xác định đúng tội danh, đã khởi tố sai tội danh hoặc phải ra các quyết định thay đổi tội danh của bị can và có một số vụ án chứng cứ buộc tội yếu nhưng vẫn khởi tố sau đó phải đình chỉ.

Thứ hai, nhiều vụ án Điều tra viên, Kiểm sát viên chưa chủ động trong quan hệ phối hợp giải quyết án giết người ở giai đoạn điều tra. Điều tra viên không trao đổi hoặc trao đổi không cụ thể với Kiểm sát viên những vấn đề khó khăn, phát sinh trong quá trình điều tra vụ án, đến khi vụ án kết thúc điều tra, Kiểm sát viên mới tiếp cận đầy đủ hồ sơ vụ án thì mới phát hiện thiếu sót.

Thứ ba, một số vụ án chứng cứ còn yếu chưa thể hiện rõ về tội danh, do đó giữa VKS và CQĐT còn có nhiều quan điểm khác nhau khởi tố hoặc không khởi tố, giữa tội này với tội khác; hoặc giữa VKS và Tòa án có quan điểm khác nhau về tội danh nên Tòa án xét xử khác quan điểm truy tố của VKS dẫn đến trường hợp án bị cấp phúc thẩm hủy để điều tra xét xử lại.

Những tồn tại, hạn chế trong việc định tội danh đối với các tội phạm giết người có nhiều nguyên nhân, cụ thể như sau:

Một là, hệ thống pháp luật làm cơ sở pháp lý cho hoạt động định tội đối với loại tội phạm giết người này còn chung chung, chưa cụ thể, rõ ràng và phụ thuộc vào ý chí chủ quan của người tiến hành tố tụng; có nhiều vụ việc phức tạp gây nhiều tranh cãi xin ý kiến chỉ đạo nghiệp vụ của cấp trên thì lại chưa được giải đáp và hướng dẫn kịp thời. Trong khi đó, diễn biến tình hình tội phạm giết người ngày càng hết sức phức tạp, đa dạng, các đối tượng phạm tội ngày càng tinh vi, xảo quyệt và manh động. Điều này đã làm cho người tiến hành tố tụng khi áp dụng pháp luật còn có những lúng túng và sai lầm, ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng định tội danh trong giải quyết án giết người.

Một số Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán do thiếu văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật thống nhất, nên chưa nhận thức đầy đủ các dấu hiệu đặc trưng của các tội có hành vi cố ý tước đoạt tính mạng của người khác. Do đó, quan điểm giữa Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và giữa các cơ quan tiến hành tố tụng đối với cùng một vụ án cũng khác nhau, thậm chí trái ngược nhau.

Hai là, do đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán còn thiếu về số lượng so với chỉ tiêu biên chế được giao, một số còn hạn chế trình độ, năng lực và kinh nghiệm công tác thực tiễn, công tác cán bộ của các cơ quan tư pháp chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình hiện nay, đội ngũ cán bộ tư pháp còn thiếu về số lượng, yếu về trình độ và năng lực nghiệp vụ, một bộ phận tiêu cực, thiếu trách nhiệm, thiếu bản lĩnh, sa sút về phẩm chất đạo đức. Đây là vấn đề nghiêm trọng làm ảnh hưởng tới kỷ cương, pháp luật, giảm hiệu lực của Bộ máy Nhà nước.

Chính do đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán còn thiếu về số lượng, yếu về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực công tác và sự thiếu trách nhiệm trong khi phải giải quyết vụ án, nên dẫn đến tình trạng những người tiến hành tố tụng không nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, việc thu thập và đánh giá chứng cứ sơ sài, không chặt chẽ nên dễ dẫn đến sai lầm trong việc định tội danh.

Ba là, thiếu sót trong hoạt động thu thập và đánh giá chứng cứ. Hoạt động lập hồ sơ và kiểm sát việc lập hồ sơ, thu thập chứng cứ của Điều tra viên chưa chặt chẽ, chỉ chú trọng lời khai của bị can mà chưa chú ý đến các chứng cứ khác; không chú ý điều tra làm rõ động cơ, mục đích phạm tội; tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ một số vụ án còn rất nhiều mâu thuẫn. Kiểm sát các hoạt động điều tra làm rõ hành vi, thủ đoạn, xác định mục đích phạm tội và việc lập hồ sơ của CQĐT chưa tốt, nhiều vụ án chỉ chú trọng thu thập chứng cứ buộc tội, bỏ qua chứng cứ gỡ tội trong vụ án, khi đánh giá chứng cứ nhất là mặt khách quan của tội phạm còn mang tính chủ quan, suy diễn gây ra việc định tội danh sai là khó tránh khỏi. Khi đánh giá chứng cứ, những người tiến hành tố tụng không xem xét tính hợp pháp, xác thực và tính có liên quan đến vụ án cũng như việc xem xét một cách khách quan, toàn diện tất cả các tình

tiết của vụ án để đánh giá cho chính xác, dẫn đến quan điểm khởi tố, truy tố và xét xử của cấp sơ thẩm không đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Bốn là, do hàng năm các ngành cấp trên giao chỉ tiêu điều tra, truy tố, xét xử giải quyết án phải đạt trên 90% thì mới hoàn thành tốt nhiệm vụ. Điều này gây ra một tâm lý và áp lực rất lớn cho các cơ quan tiến hành tố tụng. Vào thời điểm cuối năm, do giải quyết án cũ và thụ lý án mới với yêu cầu là phải giải quyết cho đạt chỉ tiêu, do đó mà các cơ quan đều tập trung đẩy nhanh tốc độ giải quyết một số lượng án rất lớn, nên dễ dẫn đến nhiều sai sót, vi phạm trong việc định tội danh.

Kết luận chương 2

Trong quá trình đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội giết người nói riêng, thì việc định tội danh chính xác đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội là rất quan trọng. Bởi vì, việc định tội danh đúng sẽ giúp cho cơ quan tiến hành tố tụng khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và việc áp dụng hình phạt sẽ phát huy được mục đích cải tạo, giáo dục người phạm tội trở thành công dân có ích cho xã hội. Về mặt lý luận, tác giả đã làm rõ thế nào là định tội danh, các điều kiện cần thiết để định tội danh đúng đối với tội giết người và ý nghĩa của việc định tội danh đúng.

Qua khảo sát thực tiễn thông qua việc phân tích các vụ án giết người cụ thể trên địa bàn tỉnh Bình Định trong giai đoạn 2011 – 2015 cho thấy, tuy phần lớn cơ quan tiến hành tố tụng đã khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử đối với tội giết người đúng theo quy định của pháp luật và người phạm tội bị trừng trị thích đáng, nhưng bên cạnh những kết quả đạt được thì việc định tội danh đối với tội phạm này cũng cho thấy còn một số tồn tại, hạn chế như xác định không đúng tội danh, xác định sai tình tiết định khung

theo cấu thành tăng nặng TNHS... Qua đó, tác giả đã nêu ra những nguyên nhân của tồn tại, hạn chế trên như: trình độ năng lực của người tiến hành tố tụng còn hạn chế, còn một số người tiến hành tố tụng chưa vô tư, khách quan trong áp dụng pháp luật; cơ quan có thẩm quyền trong quá trình hướng dẫn áp dụng pháp luật, chưa dự liệu hết những tình huống đa dạng trong thực tiễn...

Chương 3

GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ĐỊNH TỘI DANH ĐÚNG

ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI

3.1 Nhu cầu và những yếu tố đảm bảo cho việc định tội danh đối với tội giết người

3.1.1 Nhu cầu của việc định tội danh đúng đối với tội giết người

Xác định đúng tội danh người phạm tội là một vấn đề hết sức phức tạp. Làm thế nào để không xử oan người vô tội là trách nhiệm của Tòa án, trách nhiệm của các cấp, các ngành có liên quan. Định tội danh đúng là tiền đề cho việc phân hoá TNHS và cá thể hoá hình phạt một cách công minh, có căn cứ và đúng pháp luật. Vì vậy, các Điều tra viên, Kiểm sát viên và nhất là các Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân khi định tội danh phải thật sáng suốt, đánh giá sự việc một cách khách quan, xét xử đúng người, đúng tội, không bỏ lọt tội phạm đồng thời không làm oan người vô tội.

3.1.2 Những yếu tố đảm bảo cho việc định tội danh đúng đối với tội giết người

3.1.2.1. Năng lực chuyên môn của người định tội danh

Để có năng lực chuyên môn vững vàng, người định tội danh phải là người nắm chắc những kiến thức được giảng dạy ở trường đại học và phải thường xuyên trau dồi chuyên môn, thường xuyên cập nhật văn bản pháp luật mới về tội giết người, chịu khó học hỏi kinh nghiệm của những thế hệ đi trước.

3.1.2.2. Đạo đức nghề nghiệp của người định tội danh

Người định tội danh có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp thể hiện ở chỗ: “là người có ý thức tuân thủ pháp luật cũng như gương mẫu trong việc chấp hành pháp luật, là người có trách nhiệm và lương tâm trong hoạt động nghề nghiệp; là người chiến sỹ kiên cường, dũng cảm trên mặt trận chống tội phạm,

bảo vệ công bằng xã hội và là người có thái độ làm việc khách quan, vô tư trong công việc nhằm bảo vệ công lý”.

3.1.2.3 Hệ thống pháp luật hình sự hoàn chỉnh

Chỉ trên cơ sở hệ thống pháp luật mà trước hết là hệ thống pháp luật hình sự hoàn chỉnh, đặc biệt là Điều 93 BLHS, người tiên hành định tội danh mới có thể có điều kiện phát huy được khả năng làm việc của mình trong quá trình giải quyết án giết người.

3.2 Các giải pháp đảm bảo cho việc định tội danh đúng với tội giết người

Từ phân tích, làm rõ hoạt động định tội danh đối với tội giết người trong thực tiễn từ địa bàn tỉnh Bình Định, tác giả nhận thấy thực tiễn định tội danh đối với tội phạm này vẫn còn những bất cập, hạn chế. Vì vậy, để khắc phục những tồn tại, vướng mắc trong quá trình định tội danh đối với tội phạm này, làm cơ sở cho công tác định tội danh đối với tội giết người đảm bảo tính chính xác, khoa học, cần phải tập trung vào một số giải pháp cơ bản sau:

3.2.1 Tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về tội giết người và các tội phạm khác có liên quan

BLHS là một trong những căn cứ đầu tiên và quan trọng nhất đảm bảo cho việc định tội danh đối với tội phạm này được chính xác. Do đó, để tránh những mâu thuẫn và cách hiểu khác nhau trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự trên thực tế thì cần phải quy định theo hướng cụ thể, rõ ràng và bao quát được những tình huống phát sinh trên thực tế.

Trong những năm qua các cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát và nhiều nhà nghiên cứu khoa học pháp lý đã có nhiều chuyên đề nghiên cứu và tổng kết kinh nghiệm về vấn đề này như: Bản Chuyên đề tổng kết thực tiễn xét xử loại tội giết người (Công văn số 452-HS2 ngày 10/8/1970 của Tòa án nhân dân tối cao); Chuyên đề một số kinh nghiệm trong công tác thực hành quyền công tố

và kiểm sát điều tra các vụ án giết người, năm 2010 của Vụ 1A VKSND tối cao. Tuy nhiên, trong thực tế tình hình tội phạm giết người ngày càng diễn biến đa dạng và phức tạp, với nhiều thủ đoạn phạm tội mới. Gần đây nhất là BLHS năm 2015 đã được Quốc hội thông qua nhưng điều luật quy định cụ thể tội giết người chưa nêu rõ những cấu thành cơ bản của tội phạm, dấu hiệu đặc trưng của tội giết người làm cho việc định tội danh hiện đang gặp nhiều khó khăn, phức tạp, dễ có sự nhầm lẫn với các tội phạm giáp ranh khác. Chưa kể đến các tội phạm giết người có mức cao nhất của khung hình phạt là tử hình, do đó không tránh khỏi việc bị can khai báo gian dối hoặc đổ trách nhiệm cho nhau, nên không thể tiếp tục để các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cứ ngòai nghiên ngẫm “*cân đong, đo đếm chi ly*” những dấu hiệu pháp lý đối chiếu nội dung vụ án để quyết định xử lý, mà các cơ quan tư pháp có thẩm quyền cần phải có Nghị quyết, Thông tư liên tịch có giá trị pháp lý chính thức, hướng dẫn để các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự thực hiện thống nhất.

Việc ban hành các Nghị quyết, Thông tư liên tịch hướng dẫn cần dựa trên cơ sở tổng kết rút kinh nghiệm các vụ án giết người đã xét xử, để tập hợp hóa, hệ thống hoá và hướng dẫn chung về các trường hợp, tình huống cụ thể xảy ra nhằm định tội danh trong các trường hợp xảy ra tương tự như trên.

Theo quan điểm của tác giả, trước tiên cần sửa đổi, bổ sung khái niệm về tội giết người, quy định tại Điều 93 khoản 1 theo hướng: “Người nào *tước đoạt tính mạng của người khác một cách trái pháp luật* thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình: ...”. Tiếp đến, bổ sung một Điều về “Định tội danh” trong đó nêu khái niệm, căn cứ pháp lý của việc định tội danh cho người tiến hành tố tụng là cơ sở để vận dụng chính xác các quy định của Phần các tội phạm Bộ luật hình sự: “Định tội danh là hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự nhằm đối chiếu và kiểm tra để xác định sự phù hợp giữa các dấu

hiệu của hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm cụ thể để xác định một người có tội hay không có tội và nếu có thì phạm tội gì trong Phân các tội phạm của Bộ luật hình sự”

3.2.2 Tăng cường công tác giải thích, hướng dẫn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội giết người

Hiện nay, những quy định của BLHS dù đã được sửa đổi và hoàn thiện nhiều lần nhưng vẫn còn nhiều điểm chưa rõ ràng. Các cơ quan có thẩm quyền trong việc giải thích luật, đặc biệt là TAND tối cao và VKSND tối cao, đã ra nhiều văn bản hướng dẫn áp dụng luật khi xét xử. Tuy nhiên, nhiều nội dung có liên quan đến định tội vẫn chưa được nhận thức một cách thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng. Thực trạng này đã tạo ra sự không thống nhất trong việc áp dụng các dấu hiệu này để định tội trong thực tiễn. Vì thế, yêu cầu đặt ra là các cơ quan có thẩm quyền trong lĩnh vực này phải luôn theo sát thực tiễn nghiên cứu và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự. Nếu phát hiện vấn đề nào chưa rõ mà thực tiễn đặt ra thì cần phải có văn bản hướng dẫn kịp thời để pháp luật hình sự được áp dụng thống nhất và có hệ thống.

Qua nghiên cứu tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn Bình Định. Tác giả rút ra một số giải pháp, kiến nghị như sau:

Thứ nhất, giữa tội danh giết người với các tội phạm giáp ranh khác như: giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trường hợp dẫn đến chết người...có ranh giới chồng lấn lên nhau, chỉ cần một chi tiết nhỏ hay xác định chủ quan thì sẽ dẫn đến sai lầm, vi phạm trong việc định tội danh. Vì vậy, cần bổ sung các văn bản hướng dẫn để phân biệt giữa tội giết người với các tội đó. Ví dụ, hướng dẫn định tội danh giết người theo hướng: Hành vi sử dụng hung khí nguy hiểm, nhằm tấn

công vào các vùng trọng yếu trên cơ thể con người dễ dẫn đến chết người, với cường độ mạnh, nếu nạn nhân không chết cũng phải định tội giết người.

Thứ hai, cần có văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất tình tiết định khung tăng nặng của tội giết người: “Thực hiện tội phạm một cách man rợ”.

Theo như phân tích tại tiểu mục 1.1.1.3 thì những hành vi có tính chất man rợ được người phạm tội thực hiện trước khi tội phạm hoàn thành, tức là trước khi nạn nhân bị chết. Tuy nhiên, trong thực tiễn hiện nay xảy ra rất nhiều trường hợp sau khi đã giết người, người phạm tội chặt xác nạn nhân ra thành nhiều phần đem vứt mỗi nơi một ít để phi tang và thực tiễn xét xử ở nhiều địa phương cũng đã coi các hành vi này là hành vi có tính chất man rợ, nhưng không phải là thực hiện tội phạm mà là để che giấu tội phạm, cũng là trường hợp "thực hiện tội phạm một cách man rợ".

Nghị quyết số 04 ngày 29/11/1986 của HĐTP TAND tối cao là văn bản duy nhất hướng dẫn về “thực hiện tội giết người một cách man rợ” đến nay không bao quát được hết các yếu tố phát sinh mới trong xã hội. Vì vậy, cần phải có văn bản hướng dẫn mới để áp dụng thống nhất tình tiết này.

Theo tác giả nếu coi cả những hành vi có tính chất man rợ nhằm che giấu tội giết người cũng là “thực hiện tội phạm một cách man rợ”, thì nên quy định trường hợp phạm tội này là “Phạm tội một cách man rợ” vì phạm tội bao hàm cả hành vi che giấu tội phạm, còn thực hiện tội phạm mới chỉ mô tả những hành vi khách quan và ý thức chủ quan của cấu thành tội giết người.

Thứ ba, vấn đề đồng phạm trong vụ án giết người. Đối với các vụ án, không có trao đổi bàn bàn, lên kế hoạch thống nhất ý chí cùng nhau phạm tội giết người, mà chỉ dừng lại ở mức độ bột phát lôi kéo, rủ rê đi đánh nhau, thì hậu quả chết người hoặc không chết người, cần vận dụng nhiều chế định khác nhau của luật hình sự để phân tích, xử lý được chính xác, đúng pháp luật theo hướng như sau:

Nếu trước khi đi có người cầm theo hung khí nguy hiểm, cả bọn cùng biết và trong lúc đánh nhau, người cầm hung khí đánh nạn nhân chết thì cần định tội tất cả về tội giết người, vì tất cả đã mặc nhiên tiếp nhận mục đích giết người của người cầm hung khí.

Nếu người thực hiện hành vi đánh nạn nhân không chết vì nguyên nhân ngoài ý muốn chủ quan của người thực hành, như vụ thứ nhất và vụ thứ ba, thì định tội danh những người đi theo về tội cố ý gây thương tích, vì lỗi của những người đi theo thuộc cố ý gián tiếp, nên hậu quả đến đâu chỉ xử lý tội danh tương ứng tới đó.

Nếu trước khi đi có người cầm theo hung khí nguy hiểm giấu vào trong người, những người đi theo không biết và trong lúc đánh nhau, người cầm hung khí lén đâm nạn nhân chết, cần định tội tất cả về tội giết người. Vì các đối tượng cùng đi với ý định đánh người, cùng nhận thức được và buộc phải nhận thức được có thể gây ra hậu quả xâm phạm sức khỏe, kể cả tính mạng, mặc dù các đối tượng đi theo không mong muốn hậu quả xảy ra, nhưng có ý thức bỏ mặc hậu quả xảy ra thuộc lỗi cố ý gián tiếp, nên hậu quả đến đâu xử lý tội danh tương ứng tới đó.

Thứ tư, Viện kiểm sát và Tòa án cùng các cơ quan chuyên trách cần phải tổ chức các đợt tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ nhằm hướng dẫn cán bộ có thẩm quyền giải quyết vụ án xâm phạm tính mạng hiệu đúng quy định trong Chương XII nói chung, Điều 93 của BLHS nói riêng và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Bên cạnh đó, hàng năm, thông qua các hội nghị tổng kết công tác của ngành mình, các Viện kiểm sát, Tòa án tập hợp các khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn áp dụng pháp luật để rút kinh nghiệm, đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật và ban hành các văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật.

3.2.3 Xây dựng án lệ về tội giết người

Bên cạnh sự phát triển đa dạng của thực tiễn nên những quy định của pháp luật hiện hành thường không dự liệu hết được, vì vậy cần phát triển án lệ nhằm tránh sự tùy tiện của từng địa phương khi xử lý hành vi vi phạm.

Trước đây, về lý luận chúng ta không thừa nhận án lệ là nguồn của Luật hình sự, nhưng thực tế áp dụng pháp luật thì đâu đó vẫn thường lấy những vụ việc tương tự mà cấp trên đã giải quyết trước làm chuẩn để giải quyết những vụ việc xảy ra sau đó. Đến ngày 06/4/2016, Chánh án TAND tối cao đã ban hành Quyết định số 220/QĐ-CA công bố 06 bản án lệ đầu tiên đã được áp dụng trong xét xử kể từ ngày 01/6/2016. Trong 6 án lệ này chỉ có một án lệ hình sự về tội giết người. Vì vậy, cần xây dựng thêm các án lệ về tội giết người trong các trường hợp khác nhau để làm căn cứ áp dụng một cách hiệu quả và chính xác trong việc định tội danh đối với tội phạm này.

Án lệ là những lập luận, phán quyết trong bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án về một vụ việc cụ thể được HĐTP TAND tối cao lựa chọn và được Chánh án TAND tối cao công bố là án lệ để các Tòa án nghiên cứu, áp dụng trong xét xử. Án lệ được lựa chọn phải chứa đựng lập luận để làm rõ quy định của pháp luật còn có cách hiểu khác nhau; phân tích, giải thích các vấn đề, sự kiện pháp lý và chỉ ra nguyên tắc, đường lối xử lý, quy phạm pháp luật cần áp dụng trong một vụ việc cụ thể. Đồng thời, án lệ đáp ứng yêu cầu chuẩn mực và có giá trị như một hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử, bảo đảm những vụ việc có tình tiết, sự kiện pháp lý như nhau thì phải được giải quyết như nhau.

Việc áp dụng án lệ sẽ có những thuận lợi như: Người thi hành pháp luật như thẩm phán, luật sư, và người dân có thể nghiên cứu vận dụng bằng thực tế. Án lệ còn giúp chống oan sai, đảm bảo quá trình xét xử mang tính chuẩn mực, không cảm tính. Việc áp dụng án lệ được cho là sẽ giúp việc xét xử công khai, minh bạch, hạn chế tình trạng áp dụng luật mỗi nơi một kiểu. Đặc

biệt, các án lệ có thể giúp khắc phục những kẽ hở mà luật thành văn chưa quy định, tạo ra tiền lệ để xét xử những vụ án tương tự sau này. Từ đó, đảm bảo sự bình đẳng trong việc xét xử các vụ án giống nhau, giúp tiên lượng được kết quả của các vụ tranh chấp, tiết kiệm công sức của các thẩm phán, các đương sự, tạo ra sự công bằng trong xã hội.

3.2.4 Củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tư pháp hình sự có chức năng, nhiệm vụ định tội danh đối với tội giết người

Hiệu quả của hoạt động định tội danh nói chung và định tội danh đối với tội giết người nói riêng phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau, nhưng công tác tổ chức cán bộ đóng vai trò rất quan trọng. Do đó, để nâng cao hiệu quả định tội danh đối với tội giết người thì việc phải đào tạo một đội ngũ cán bộ tư pháp hình sự thật sự trong sạch, vững mạnh, đủ về số lượng và giỏi về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp của Bộ Chính trị. Vì vậy, để thực hiện tốt giải pháp về công tác tổ chức cán bộ, theo tác giả cần thực hiện những giải pháp sau:

** Thứ nhất, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ tư pháp hình sự trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự.* Để nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ tư pháp hình sự trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự, theo tác giả cần thực hiện đồng bộ trên các mặt.

Một là, nâng cao nhận thức tư tưởng chính trị, bản lĩnh nghề nghiệp. Việc nâng cao nhận thức tư tưởng chính trị, bản lĩnh nghề nghiệp cho đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân có ý nghĩa rất quan trọng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Bởi vì, công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm là một dạng công việc đặc thù, hàng ngày, hàng giờ phải thường xuyên tiếp xúc, đối diện với những mặt trái của xã hội, tiếp xúc với đủ loại vi phạm và tội phạm. Nếu cán bộ tư pháp không được trau dồi, rèn luyện về đạo đức và bản lĩnh nghề nghiệp thì rất dễ bị những mặt trái của

cơ chế kinh tế thị trường cám dỗ. Để nâng cao nhận thức về tư tưởng chính trị và bản lĩnh nghề nghiệp, trước hết mỗi cán bộ tư pháp phải tự rèn luyện ý thức chính trị, phải luôn xác định công tác điều tra, truy tố, xét xử là công tác chính trị, phải quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, vận dụng vào trong hoạt động tố tụng để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của từng ngành, phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn, từng thời kỳ cách mạng.

Hai là, bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kiến thức pháp luật. Nhân tố con người được coi là nhân tố quan trọng, quyết định chất lượng của mọi hoạt động. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự bên cạnh tính hệ trọng còn có tính phức tạp cao. Trong quá trình này, các chủ thể tiến hành tố tụng được pháp luật trao cho quyền tự do đánh giá chứng cứ trên cơ sở niềm tin nội tâm, ý thức pháp luật của mình. Vì vậy, khi các chủ thể đó có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, nắm vững kiến thức về pháp luật thì các quyết định tố tụng của họ mới có cơ sở thực tế, đảm bảo tính khách quan, đúng đắn và phù hợp với pháp luật và đó cũng chính là cơ sở quan trọng làm giảm tình trạng oan, sai trong tố tụng hình sự. Để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức pháp luật, năng lực công tác, cũng như kỹ năng, kinh nghiệm thực tiễn trong việc định tội danh cho đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân trong quá trình công tác cần chú trọng việc bồi dưỡng các kiến thức về Luật hình sự và kiến thức về lý luận định tội danh. Nhằm giúp cho họ nắm vững những dấu hiệu cấu thành tội phạm, nắm vững các cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học và phương pháp định tội danh, để thực hiện hoạt động định tội danh đảm bảo chặt chẽ, khoa học và chính xác. Bên cạnh đó, cũng cần tổ chức các buổi hội thảo tổng kết rút kinh nghiệm trong việc định tội danh đối với các vụ án để xảy ra oan sai, có sai sót hoặc còn tồn tại nhiều quan điểm khác nhau trong việc định tội danh.

Ba là, bổ sung đủ số lượng cán bộ tư pháp hình sự nhằm tránh quá tải trong quá trình làm việc.

Để đáp ứng được nhu cầu về số lượng, nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực công tác cho đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân thì cần chú trọng công tác tuyển chọn cán bộ, đặc biệt là cần quan tâm, chủ động hơn với chất lượng nguồn nhân lực đầu vào. Vì trên thực tế hiện tại chỉ có lực lượng Điều tra viên trong ngành Công an nhân dân là được đào tạo một cách có hệ thống mang tính liên tục, kế thừa tại các trường trong ngành Công an nhân dân, nên phần nào được chủ động hơn về nguồn nhân lực.

Riêng đối với lực lượng Kiểm sát viên và Thẩm phán hiện tại nguồn của hai đối tượng này chủ yếu được tuyển dụng từ sinh viên tốt nghiệp các trường luật trên cả nước, sau đó được đưa đi đào tạo về nghiệp vụ kiểm sát ngắn hạn. Trong khi đó hiện tại chế độ đãi ngộ và thu nhập trong ngành KSND và TAND chưa đủ sức thu hút nhân tài vào công tác trong ngành, nhiều sinh viên sau khi tốt nghiệp vào công tác một thời gian thì chuyển sang làm công việc khác vì mức thu nhập không đảm bảo cuộc sống, nên việc tuyển đủ biên chế cho ngành Kiểm sát và Tòa án trong tiến trình cải cách tư pháp thời điểm hiện tại là một vấn đề hết sức khó khăn. Do đó, để chủ động hơn về nguồn nhân lực cho ngành Kiểm sát và ngành Tòa án, cần có kế hoạch dài hạn và đề nghị Nhà nước tăng cường chế độ đãi ngộ để thu hút nguồn nhân lực có chất lượng.

** Thứ hai, đề cao trách nhiệm công tác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự.*

- *Đối với Điều tra viên.* Điều tra là khâu đột phá, là giai đoạn đầu giữ vai trò thành bại đối với cả tiến trình tố tụng hình sự, có thể nói những sai lầm tư pháp nghiêm trọng nhất như bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội ... thường bắt nguồn từ giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Điều tra hình sự là tổng

hợp toàn bộ hoạt động mang tính chủ động và sáng tạo của Điều tra viên nhằm phát hiện và làm sáng tỏ sự thật về vụ án hình sự. Trong quá trình điều tra vụ án, lực lượng chính thực hiện kế hoạch điều tra là Điều tra viên. Họ là chủ thể trực tiếp tiến hành các hoạt động điều tra. Thực hiện mọi kế hoạch điều tra, đề xuất các biện pháp xử lý đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng chính sách, pháp luật, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Hoạt động điều tra đòi hỏi Điều tra viên phải có những phẩm chất phù hợp với tính chất đặc thù của hoạt động này, nhưng chính hoạt động điều tra cũng làm hình thành, phát triển ở Điều tra viên những phẩm chất đặc trưng, phù hợp với hoạt động nghề nghiệp của mình. Do đó việc nâng cao tinh thần trách nhiệm của Điều tra viên trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ có vai trò rất quan trọng, có ý nghĩa rất lớn đối với việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự.

- *Đối với Kiểm sát viên.* Vai trò của Kiểm sát viên trong hoạt động kiểm sát điều tra vụ án hình sự là hết sức quan trọng trong việc bảo đảm quyền con người, hạn chế tình trạng oan, sai trong giải quyết vụ án hình sự và bảo đảm tính pháp chế. Vì vậy, để đảm bảo cho quá trình điều tra thu thập chứng cứ của vụ án được toàn diện, khách quan, Kiểm sát viên phải thật sự đề cao vai trò trách nhiệm của mình trong quá trình thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra, phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra tiến độ điều tra vụ án để kịp thời phát hiện những thiếu sót trong hoạt động điều tra thu thập chứng cứ của Điều tra viên để yêu cầu khắc phục, trong trường hợp cần thiết nếu hoạt động điều tra thu thập chứng cứ của Điều tra viên chưa được toàn diện, thì Kiểm sát viên trực tiếp tiến hành các hoạt động điều tra theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, nhằm đảm bảo cho việc điều tra thu thập chứng cứ của vụ án được kịp thời, toàn diện, khách quan, đúng pháp luật.

- *Đối với Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân.* Trong quá trình giải quyết vụ

án hình sự, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân là thành phần của HĐXX có vị trí, vai trò rất đặc biệt, họ là những người có thẩm quyền ra quyết định để tuyên một người nào đó có tội hay không có tội, nếu có tội thì tội phạm đó là tội gì và mức hình phạt được áp dụng như thế nào. Do đó, để đảm bảo hoạt động định tội danh được chính xác, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân phải đề cao tinh thần trách nhiệm của mình trong việc xem xét, đánh giá chứng cứ của vụ án, phải nghiên cứu kỹ các tài liệu, chứng cứ do CQĐT, VKS đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở đó qua kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân phải so sánh, đối chiếu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án với kết quả thẩm vấn tại phiên tòa để xem xét tính đúng đắn, khách quan của chứng cứ và bác bỏ những chứng cứ không phù hợp với tình tiết, diễn biến của vụ án, từ đó ra một bản án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

** Thứ ba, đổi mới trong công tác tuyển chọn đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp hình sự*

Một vấn đề mang tính rất thời sự hiện nay là Chính phủ đã đưa mô hình quản lý nguồn nhân lực theo mô hình vị trí việc làm vào thực tiễn. Mô hình này buộc cán bộ, công chức phải thường xuyên nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ, năng lực, kỹ năng nghề nghiệp để đảm bảo được vị trí, công việc mà mình đang và muốn đảm nhận trong thời gian tới. Tuy hoạt động tư pháp là hoạt động đặc thù, nhưng theo xu thế trên chúng ta cũng phải có sự điều chỉnh công tác tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm các chức danh tư pháp cho phù hợp.

Nguồn cán bộ đầu vào của lực lượng Điều tra viên là từ nguồn cán bộ ngành công an được tuyển dụng trực tiếp từ những sinh viên học tập tại các Trường thuộc ngành này; nguồn Kiểm sát viên, Thẩm phán xuất phát từ nguồn cán bộ tòa án, cán bộ kiểm sát thông qua các đợt thi công chức. Một người đã tốt nghiệp Đại học Luật hoặc tương đương thì trình độ, kiến thức

của họ sẽ đáp ứng điều kiện của một cán bộ điều tra, tòa án, kiểm sát, nhưng để trở thành Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán thì họ phải có những phẩm chất về chính trị, bản lĩnh và kỹ năng nghề nghiệp.

Vì vậy, để tuyển chọn được những con người có tố chất phù hợp trở thành Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, thì việc cần thiết là phải tổ chức thi tuyển. Thông qua thi tuyển, chúng ta mới có cơ hội thẩm định trình độ năng lực thật sự của họ. Điều kiện cần cho những người tham gia thi tuyển cũng phải bám sát những điều kiện bổ nhiệm Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán được quy định trong các văn bản tương ứng, nhưng để thành cán bộ có chức danh tư pháp như trên thì những người này phải vượt qua đợt sát hạch nghiêm ngặt. Có như vậy các cán bộ điều tra, kiểm sát và tòa án mới từ bỏ tư tưởng “*sống lâu sẽ lên lão làng*”, muốn trở thành Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán thì trong thời gian công tác ban đầu ấy, bên cạnh phải hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, bản thân từng người phải có kế hoạch tự học tập nâng cao trình độ, bản lĩnh chính trị và nghề nghiệp. Khi đó chúng ta mới có được những Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán đáp ứng được yêu cầu của cải cách tư pháp hiện nay.

Tóm lại, để định tội danh đúng, công bằng cần phải có những Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân có văn hóa, có trình độ ý thức pháp luật cao và hiểu biết một cách đúng đắn, sâu sắc các quy định của pháp luật, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, lợi ích của nhân dân.

3.2.5 Tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong định tội danh đối với tội giết người

Đấu tranh phòng, chống tội phạm và tội phạm xâm phạm tính mạng con người nói riêng được Đảng ta xác định là cuộc đấu tranh có ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc, là một bộ phận cấu thành quan trọng của toàn bộ sự nghiệp đấu tranh cách mạng của Đảng và nhân dân ta hiện nay. Cho nên, cần xây dựng,

kiện toàn các cơ quan bảo vệ pháp luật, tăng cường mối quan hệ giữa các cơ quan này trong suốt tiến trình tố tụng hình sự. Trong hoạt động của hệ thống các cơ quan tư pháp cần thiết phải có sự phối kết hợp chặt chẽ trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, đảm bảo định tội danh chính xác, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội. Các cơ quan tư pháp trung ương (VKSND tối cao, TAND tối cao) cần phải thường xuyên tổng kết, rút kinh nghiệm, thống nhất nhận thức những vấn đề còn tránh chấp về quan điểm để hướng dẫn các cơ quan tư pháp ở địa phương áp dụng luật được đúng.

Viện kiểm sát nhân dân được Đảng, Nhà nước và nhân dân giao cho trọng trách phối hợp với các cơ quan chức năng như Cơ quan điều tra, Tòa án trực tiếp đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần quan trọng nhằm thực hiện công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta. Tuy vậy, trong hoạt động thực tiễn, mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra – Viện kiểm sát - Tòa án trong giai đoạn điều tra, xét xử các vụ án xâm phạm tính mạng cho thấy: chưa có nhận thức thống nhất, đầy đủ về bản chất, đặc trưng, nội dung, hình thức... của mối quan hệ giữa ba cơ quan trong giải quyết các vụ án xâm phạm tính mạng con người. Điều đó vẫn còn hiện tượng “*quyền anh, quyền tôi*”, tùy tiện, lấn sân nhau cho nên đã dẫn đến việc bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội... Chính vì vậy, cần có sự nhận thức thống nhất, đúng đắn về mối quan hệ giữa ba cơ quan tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra để góp phần nâng cao hiệu quả trong giải quyết các vụ án xâm phạm tính mạng con người ở nước ta.

Mối quan hệ giữa VKSND với CQĐT, giữa VKSND với TAND trong điều tra, xét xử các tội phạm tính mạng của con người là mối quan hệ (bao gồm quan hệ phối hợp và quan hệ chế ước) phát sinh trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan theo quy định của pháp luật để hỗ trợ, tạo điều kiện cho nhau trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tính mạng của con người nhằm đảm bảo mọi hành vi phạm tội được phát hiện kịp thời, xử

lý nhanh chóng, công minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, góp phần đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm ở nước ta. Vì vậy để nâng cao hiệu quả của việc định tội danh và xét xử các vụ án hình sự nói chung và các vụ án về tội giết người nói riêng, cần tăng cường công tác và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng một cách nhịp nhàng và hiệu quả nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó.

Kết luận chương 3

Xác định đúng tội danh người phạm tội là một vấn đề hết sức phức tạp, phụ thuộc vào nhiều yếu tố, nhất là yếu tố con người và hệ thống pháp luật.

Vì vậy, bên cạnh giải pháp pháp luật hình sự Việt Nam về định tội danh và tội giết người, thì từ yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người, tội giết người nói riêng trên địa bàn tỉnh Bình Định, đặc biệt là trong việc định tội danh và quyết định hình phạt, đòi hỏi phải có những giải pháp, kiến nghị khác để nâng cao chất lượng của việc định tội danh để góp phần thực hiện tốt Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân, cũng như tiếp tục thực hiện Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014.

Do đó, luận văn đã chỉ ra những giải pháp về nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; về công tác tổ chức, cán bộ và các giải pháp khác, nhằm đảm bảo cho việc định tội danh đối với tội giết người được chính xác, từ đó đảm bảo cho việc truy cứu TNHS đối với người phạm tội được khách quan và đúng pháp luật, góp phần cho công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm đạt hiệu quả và sự thành công của tiến trình cải cách nền tư pháp của nước ta.

KẾT LUẬN

Định tội danh đúng, chuẩn xác không những góp phần quyết định hình phạt công minh và đúng pháp luật, mà còn phân hóa trách nhiệm hình sự và cá thể hóa hình phạt chính xác, qua đó bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trong tư pháp hình sự. Nâng cao hiệu quả và chất lượng của việc định tội danh và quyết định hình phạt là một trong những chủ trương để bảo đảm tốt nguyên tắc xử lý đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm, tránh làm oan người vô tội.

Nhận thức và xem xét vấn đề quan trọng đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định không ngừng đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng giải quyết, xét xử các loại vụ án, phấn đấu không để xảy ra việc kết án oan người không có tội và bỏ lọt tội phạm, hạn chế tới mức thấp nhất các bản án, quyết định bị hủy, sửa do lỗi chủ quan của Thẩm phán, bảo đảm các quyết định của Tòa án đúng pháp luật, đầy đủ, rõ ràng, dễ hiểu, có sức thuyết phục cao, có tính khả thi và được dư luận xã hội đồng tình, ủng hộ.

Trong những năm qua, thực hiện nhiệm vụ chính trị của mình, các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Bình Định đã phấn đấu, nỗ lực giải quyết tốt các vụ án hình sự xảy ra trên địa bàn trong đó có các vụ án hình sự về tội giết người. Điều này đã góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa phương, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội. Tuy nhiên qua thực tiễn định tội danh trên địa bàn tỉnh Bình Định trong thời gian qua vẫn còn xảy ra những sai sót nhất định. Những sai sót này đã ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết các vụ án hình sự và các vụ án về tội giết người nói riêng. Trong đó có những sai sót mang tính khách quan do cấu thành tội phạm của tội giết người có những đặc gần giống với các tội phạm xâm hại đến tính mạng, sức khỏe khác, nhưng chưa có một văn bản hướng

dẫn cụ thể, rõ ràng để phân biệt, nên quá trình điều tra, truy tố, xét xử vẫn còn có những quan điểm khác nhau về định tội danh.

Do vậy, việc nghiên cứu các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội giết người để nhận diện và phân biệt định tội danh với các tội giáp ranh khác, nghiên cứu những quy định của pháp luật hình sự về định tội danh đối với tội giết người cũng như việc áp dụng nó vào thực tiễn là rất cần thiết. Từ đó tìm ra những hạn chế, thiếu sót, những vướng mắc bất cập cần khắc phục trong quá trình áp dụng pháp luật để đề ra các giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về tội giết người và những tội phạm có liên quan. Góp phần nâng cao chất lượng công tác định tội danh đối với các vụ án giết người trên địa bàn tỉnh Bình Định nói riêng và cả nước nói chung.

Để nghiên cứu và hoàn thành luận văn “Định tội danh tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Định”, tác giả đã cố gắng sưu tầm tài liệu, tìm tòi nghiên cứu, vận dụng lý luận và thực tiễn. Những giải pháp được đề cập trong bản luận văn tương đối cụ thể, tuy chưa toàn diện nhưng là những vấn đề cơ bản có thể hoàn thiện hơn nữa các quy định về tội phạm xâm phạm tính mạng giúp cho các cơ quan giải quyết án giết người giải quyết án nhanh hơn, hiệu quả và không làm oan người vô tội cũng như không bỏ lọt tội phạm. Vì khả năng và điều kiện nghiên cứu có hạn nên chắc chắn luận văn không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được sự góp ý chân thành của các thầy, cô, các nhà khoa học, những người có kinh nghiệm thực tiễn để luận văn được hoàn thiện./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Điện Ảnh (2014), *Các tội xâm phạm quyền sở hữu có tính chất chiếm đoạt do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Định: Tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội, Hà Nội;
2. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”*;
3. Phan Thái Bình (2014), *Tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội;
4. Phạm Văn Cần (2010), *Phân biệt dấu hiệu cơ bản của tội giết người và tội cố ý gây thương tích dẫn đến chết người*, Tạp chí Kiểm sát, (số Tân Xuân/02), tr. 14-22;
5. Lê Cẩm (2003), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội;
6. Nguyễn Hùng Cường (2008), *Một vài suy nghĩ về tình tiết “giết nhiều người” và “giết người bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người”*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 1/2008), tr. 79-83;
7. Chính phủ (1955), *Thông tư số 442/TTg ngày 10/01/1955 tổng kết án lệ về một số tội phạm thông thường*, Hà Nội;
8. Chính phủ lâm thời (1946), *Sắc lệnh của Chủ tịch Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa số 26 ngày 25/2/1946*, Hà Nội;
9. Chính phủ lâm thời (1946), *Sắc lệnh của Chủ tịch Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa số 27 ngày 28/02/1946*, Hà Nội;
10. Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (1953), *Sắc lệnh của chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa số 133/SL ngày 20/01/1953*, Hà Nội;

11. Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (1953), *Sắc lệnh của chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa số 151/SL ngày 12/4/1953*, Hà Nội;
12. Nguyễn Thanh Dung (2012), *Định tội danh đối với các tội về ma túy*, Luận văn Thạc sỹ Luật học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội;
13. Lê Đăng Doanh (2008), *Một số kỹ năng của Luật sư trong việc xác định tội danh của một số tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người*, Tạp chí Học viện Tư pháp (số 1/2008 – Năm thứ ba), tr. 26-30;
14. Đảng cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết 48- NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
15. Đảng cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết 49- NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
16. Đỗ Hồng Đức (2008), *Tội giết người và đấu tranh phòng, chống tội phạm giết người ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
17. Đỗ Đức Hồng Hà (2006), *Tội giết người trong Bộ luật Hình sự Việt Nam và đấu tranh phòng chống loại tội phạm này*, Luận án tiến sỹ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội;
18. Nguyễn Ngọc Hòa (2004), *Cấu thành tội phạm – Lý luận và thực tiễn*, Nxb Tư pháp, Hà Nội;
19. Hội đồng Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam (1976), *Sắc lệnh số 03/SL ngày 15/3/1976 quy định về tội phạm và hình phạt*, Hà Nội;
20. Hội đồng thẩm phán TAND tối cao (1986), *Nghị quyết số 04 - HĐPTANDTC/NQ ngày 29/11/1986 hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần các tội phạm của BLHS*, Hà Nội;

21. Hội đồng thẩm phán TAND tối cao (2006), *Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS*, Hà Nội;
22. Trần Thị Hường và Chu Thị Tú (2010), *Một số vấn đề cần chú ý khi áp dụng tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh*, Tạp chí Kiểm sát, (số 06), tr. 23-30;
23. Vũ Trọng Khương (2002), *Định tội theo Bộ luật hình sự 1999, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, TP. Hồ Chí Minh;
24. Nguyễn Văn Luận (2015), *Tội giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Cà Mau*, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội;
25. Trần Văn Luyện (2000), *Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội;
26. Nguyễn Đức Mai, Phân biệt tội “Cố ý gây thương tích dẫn đến chết người” với các tội: “Giết người” và “Vô ý làm chết người”, Tạp chí Tòa án nhân dân, tr. 10-12;
27. Phân hiệu trường Đào tạo, bồi dưỡng Nghiệp vụ kiểm sát tại TP. Hồ Chí Minh (2013), *Tập bài giảng chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu một số kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm tội giết người và tội cố ý gây thương tích*, TP. Hồ Chí Minh;
28. Lê Hồng Quang (2009), *Tội giết người và một số vướng mắc qua thực tiễn xét xử loại tội phạm này*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 5), tr. 20-23;
29. Đinh Văn Quế (2012), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự, tập II*, NXB Lao động, Hà Nội.
30. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1985), *BLHS năm 1985*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;

31. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2009), *BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
32. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *BLHS năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
33. TAND tối cao (1970), *Công văn số 452/HS2 ngày 10/8/1970 của TAND tối cao về thực tiễn xét xử tội giết người*, Hà Nội;
34. Nguyễn Văn Trọng (2009), *Phân biệt tội giết người với tội cố ý gây thương tích (trường hợp dẫn đến chết người)*, Tạp chí tòa án nhân dân, (số 13), tr. 18-22;
35. Nguyễn Văn Trọng (2010), *Bàn về việc áp dụng một số cặp tình tiết định khung quy định tại khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự*, Tạp chí Kiểm sát, (số 07), tr. 26-32;
36. Viện KSND tỉnh Bình Định (2011), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát của VKSND tỉnh Bình Định năm 2011*;
37. Viện KSND tỉnh Bình Định (2012), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát của VKSND tỉnh Bình Định năm 2012*;
38. Viện KSND tỉnh Bình Định (2013), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát của VKSND tỉnh Bình Định năm 2013*;
39. Viện KSND tỉnh Bình Định (2014), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát của VKSND tỉnh Bình Định năm 2014*;
40. Viện KSND tỉnh Bình Định (2014), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát của VKSND tỉnh Bình Định năm 2015*;
41. Viện KNSD tỉnh Bình Định (2011), *Thống kê công tác thụ lý, giải quyết các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người của VKSND tỉnh Bình Định năm 2011*;

42. Viện KNSD tỉnh Bình Định (2012), *Thống kê công tác thụ lý, giải quyết các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người của VKSND tỉnh Bình Định năm 2012*;

43. Viện KNSD tỉnh Bình Định (2013), *Thống kê công tác thụ lý, giải quyết các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người của VKSND tỉnh Bình Định năm 2013*;

44. Viện KNSD tỉnh Bình Định (2014), *Thống kê công tác thụ lý, giải quyết các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người của VKSND tỉnh Bình Định năm 2014*;

45. Viện KNSD tỉnh Bình Định (2015), *Thống kê công tác thụ lý, giải quyết các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người của VKSND tỉnh Bình Định năm 2015*;

46. Viện KSND tỉnh Bình Định (2014), *Thực trạng và giải pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy trên địa bàn tỉnh Bình Định*;

47. Viện KSND tối cao (2016), *Tài liệu tập huấn những điểm mới của Bộ luật hình sự năm 2015*;

48. Viện nghiên cứu khoa học pháp lý (1992), *Bình luận Bộ luật Hình sự (Phần các tội phạm)*, NXB Pháp lý, Hà Nội;

49. Võ Khánh Vinh (2015), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Phần các tội phạm*, NXB Công an nhân dân, Thừa Thiên Huế;

50. Võ Khánh Vinh (2013), *Lí luận chung về định tội danh*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.